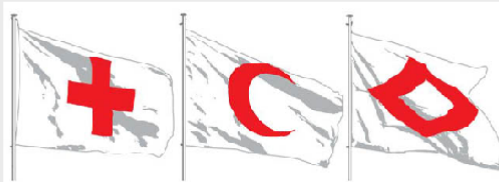


Trần Xuân An

đề  
lòng người  
thôi trăm uất

*tập thơ*



nhà xuất bản

2014

Trần Xuân An – Đề lòng người thôi trăm uất



Cầu Hiền Lương, sông Bến Hải, Vĩ tuyến 17



1945-1954-1975

*Trần Xuân An – Để lòng người thôi trăm uất*

Trần Xuân An  
*ĐỀ LÒNG NGƯỜI THÔI TRÂM UẤT*  
tập thơ

*“... sao cho tận thôn cùng xóm vắng  
không còn một tiếng hờn giận, oán sầu...”*  
Nguyễn Trãi  
(trong bài tấu về chế định lễ nhạc, năm 1437)

*tôi là nắng cũng là mưa  
hai bờ Bến Hải cho vừa lòng sông*  
T.X.A.  
(hai câu thơ tặng bạn Ngô Vưu, 2015)

**TRẦN XUÂN AN**

**ĐỀ  
LÒNG NGƯỜI  
THÔI TRÂM UẤT**

*tập thơ*

nhà xuất bản

2015

*Trần Xuân An – Đề lòng người thôi trâm uất*

*Tập thơ thứ 14  
(cũng là đầu sách thứ 35)  
của Trần Xuân An*

Bài 1

**SUY NIỆM**

**NỖ NIỀM THƯƠNG BINH TỬ SĨ**

đâu chỉ ba thập niên và hơn một thập niên  
 một trăm ba mươi một năm (\*),  
     mãi bi hùng trong hàng ngàn năm máu đổ  
 khát vọng sử học công bằng,  
     công bằng nhờ sáng tỏ  
 vết thương đầu tiên ở Sơn Trà  
     còn đỏ tươi Hoàng Sa, Vị Xuyên, Gạc Ma...

6:10 – 7:15, 24-7 HB14 (2014)

(\*) 1858-1989.

*Sơn Trà (Sơn Chà), Đà Nẵng, nơi quan quân Triều Nguyễn  
 và dân binh Quảng Nam đánh bại liên quân Pháp – Tây Ban  
 Nha trong trận đầu tiên chúng xâm lược nước ta, vào năm  
 1858.*

Bài 2

**HUÂN CHƯƠNG  
CHIẾN THƯƠNG**

khi đeo tấm huân chương  
nghe ngực ràn rụa máu

hôi, cảm, phun hai dấu  
hai lỗ đạn, vết thương  
ngơ ngác “*hai con đòng*”  
một thời không hiểu thấu!  
bốn mươi năm đau đáu  
đồng bào sao đối phương?

ai, tay bụng ngực giấu  
khi qua cầu Hiền Lương.

*30-9 & 02-10 HB14 (2014)*



Bài 3

**NGHE NHƯ THỂ  
CÓ ĐÀN TẾ CHUNG  
Ở THÀNH CỔ - THẠCH HÃN**

nỗi đau ta vui nỗi đau mình  
sóng bờ ni vỗ về bờ tê rứa đó  
ai thả nển sáng sen Thành Cổ  
thương bạn mình, thì nhớ tiếc bạn ta

mình với ta bắn giết nhau thuở nọ  
xương thịt lẫn vào nhau cũng một ruột rà  
ai thắng bại vàng vàng đỏ đỏ  
ta cùng mình buồn tím khúc dân ca

Thạch Hãn ơi, mô-hôi-đá rờng rờng tuôn đổ (\*)  
thành sông nước mắt trôi, ngọt lại rồi,  
khi chung oan nợ  
nén hương ngoài nớ vô, đèn hoa trong tê ra  
mũ cối, mũ đồng cùng hành khúc hồn ma

ánh mắt vui mình không làm môi ta lệ vỡ  
 vẫn sử nước nhà, đau đau mình, mừng ta  
 sóng bờ ni vỗ về bờ tê rứa đó  
 Hiền Lương ơi, thương lắm sông Gianh à...

*chiều 02-10 HB14 (2014)*

*(\*) Thạch Hãn, trong các văn bản chữ Hán, có nghĩa miêu tả thiên nhiên, là sự hung tợn (của ghềnh) hay sự cản chận của đá. Dọc nguồn sông, có nơi mang địa danh dân dã thuần Việt là thôn Đá Đứng, đập Đá Đứng. Tuy vậy, Thạch Hãn với nghĩa là mò hôi đá, có chất thơ hơn, và thể hiện được tính cách đặc trưng của Quảng Trị hơn.*

## Bài 4

**THẮP HƯƠNG NHỚ QUÊ**

thơ như chút hương hoa trước tuần rằm trăng sáng  
 thơm từ tâm đất nước quê nhà  
 thưở trại tạm cư, chiến tranh, bỏ xứ  
 đều nguyện cầu, liền sông núi ông cha

suốt hơn ba mươi năm, đã hòa bình,  
   lại ngậm đau Bến Hải  
 hai đường cái quan qua làng mạc chưa nguôi  
 loa chiến thắng rủa ngày đêm cỏ cây cúi đầu chiến bại  
 người người xót lòng lệ đắng môi cười

thì cũng chỉ biết cười thôi, nỗ làm răng được  
 dân thắng làm dân; thua, chịu tiếng giặc thôi  
 đều ruột thịt Bắc - Nam, có ngày ai kia tự tâm ngấm lại  
 thơ như khói hương, hồn Đất sáng soi

triệu trẻ con, vạn già nua khác  
 chào đời, khuất bóng, lòng có yên đâu  
 hiểu điều chi, khiến người người ước thà chia cắt  
 phải chăng văn sử, sắc lẹm cái nhìn giết nhau...

*tối 02-10 HB14 (2014)*

Bài 5

**SAO NẶNG HỒN CHUÔNG?**

tiếng chuông Thành Cổ cứ hoài nặng trĩu  
không thể mệnh mang siêu thoát ngân vang (\*)

linh Bắc linh Nam, hồn thôi vương víu  
chỉ vẫn sử đòi, bút thiên lệch chẳng?

tử sĩ voi oan, nợ ai ai chịu  
đừng khiến tay đòi cầm nghiêng nén nhang!

vong Bắc vong Nam thương nhau bỗng búa  
trong veo Thạch Hãn như tiếng chuông lan.

06-10 HB14 (2014)

[13-9 Giáp Ngọ HB14]

*(\*) Theo thông tin trên báo Pháp luật Việt Nam & báo điện tử Kiến Thức, chiếc chuông đồng tại tháp chuông Thành Cổ, Quảng Trị không phát ra âm thanh ngân vang như các chuông cùng loại khác, nghe như tắc nghẹn, nên được gọi là chiếc chuông than khóc.*

Bài 6

**DI TÍCH ĐỎ – CHIẾC CÀU Ý HỆ**

thở nhân loại chia hai con đường  
Bến Hải bán nhau triệu vết thương  
nhất thể, đừng quên cầu ý hệ:  
nghìn di tích đỏ đều Hiền Lương.

*09-10 HB14 (2014)*

Bài 7  
**CHÂN THẬT NHỚ,  
ĐỪNG QUÊN**

quên chẳng? Chẳng quên được đâu  
chân thật nhớ, sẽ bớt đau sử dầy!

mừng – hận chi, Đất Mẹ đây  
thời bom đạn, nổ bên này, bên kia  
thây lính nát, xác dân lia  
thờ cuồng ý hệ, giờ chia đều buồn

nỗi phân liệt “*hai con đường*”  
chẳng bên nào bán cội nguồn! Đừng quên.

*21-10 HB14 (2014)*

Bài 8

**THÂM NIỆM**

**Ở “ĐẠI LỘ KINH HOÀNG 1972”**

còn chi, da thịt mịt mờ  
tan vào cát bụi! Xương khô đáng quần  
áo nào bền cũng se quần  
đế giày quai dép, rạn, hằn nắng mưa

lẫn xen, oằn gióng, gãy bừa  
xác xe cháy khét ngổ chưa nhạt mùi  
đạn còn ngòi nổ, cát vùi  
bao đe dọa giữa ngậm ngùi tha ma

kinh hoàng Đường Một quê nhà  
thành đường máu, ngập máu oà, thầy trôi  
chín cây số, ngót năm trời  
hoá đường nhận cốt, hòm ngòi lửa nhang

nâu lam quanh cà sa vàng  
kinh trầm siêu thoát mấy ngàn hương linh  
bồ tát giữa ta với mình  
vẫn trầm mặc tượng, tâm bình lặng nghe

sử nay Đường Máu đỏ nhuộm  
 (địa chí xưa, Khe Nước Chè, hoài tươi) (\*)  
 thơ thâm niệm, mặn bờ môi  
 chuông chùa ngân vọng, mình ngồi bên ta.

14 :00 – 17 :29, 02-11 HB14 (2014)

(\*) *Khe Nước Chè, một địa danh ở Diên Sanh, phía gần kề làng Mai Đàn, thuộc huyện Hải Lăng, Quảng Trị, trong “Đại Nam nhất thống chí” của Quốc sử quán triều Nguyễn, được ghi là “Trà Thủy Khê”. Khe Nước Chè kẻ sát ngay một bên “Đại lộ kinh hoàng 1972”.*



Bài 9

**PHÚC ÂM ĐỜI THƯỜNG  
Ở LA VANG**

dưới tán đa điều khắc này  
 người xưa hiền thánh chấp tay nguyện cầu  
 đạn bom nào biết tránh đâu  
 nghiêng xiêu thập giá, gạch nâu phơi trần

chuông thoi toả nắng đầy sân  
 xanh rêu xương trắng lút dần cỏ hoang  
 tượng đường thương khó gãy ngang  
 lạ vắng ơi, hỡi La Vang lá vàng

mùa hè bão lửa kinh hoàng  
 cháy đức tin vốn như trang giấy hiền  
 ai ngơ ngác hát muộn phiền:  
*chính trường đừng động thiêng liêng giáo đường! (\*)*

phúc âm đất Việt đời thường:  
*đức tin cao nhất là thương nước mình!*  
 bốn bề rách nát điêu linh  
 người ở đâu, thoảng lời kinh cội nguồn?

bao năm dài, gió và sương  
 sương và gió, may bốt buồn nhiều khê  
 La Vang bom đạn, còn nghe:  
 người quê hiền thánh giữa quê hương mình.

*13:10 – 16:05, 05-11 HB14 (2014)*

*(\*) Đây là một bài thơ thể hiện tinh thần dân tộc hoá Thiên Chúa giáo.*

*Tôn giáo không dính líu đến chính trị mới là tôn giáo đích thực, không bị lợi dụng.*

*Đức tin tôn giáo vốn trong veo như tâm hồn trẻ thơ.*

*Bất lương nhất là lợi dụng đức tin ấy vào mưu đồ chính trị.*

*Sự lợi dụng đó tạo nên những hệ lụy khôn lường cho giáo dân mà lịch sử cận đại đã ghi nhận.*

*Hệ lụy ấy vẫn còn di lụy mãi về sau này.*

Bài 10

**KÍNH THƯƠNG  
NHỮNG NGÔI ĐÌNH LÀNG QUẢNG TRỊ**

bảy trăm năm, vượt đèo Ngang  
bóng đình làng cổ – hành trang trong hồn  
ra đi, rộng mở nước non  
đình xanh, dịu gió thổi giòn châu Ô

bão bùng, vũng mái đình chờ  
năm vài trận lụt, nhang thờ vẫn tươi  
duy tàn khốc nhất một thời (\*)  
bão bom đạn, lụt máu người, đình hoang

đình làng ghi chép sử làng  
hố bom hầm pháo dày đan thuở nào  
bảy trăm năm nữa ra sao  
“*Chiến tranh lạnh*”, xác đồng bào, nhớ chẳng?

hội làng, đèn sáng với trăng  
giặt trôi bùn bụi áo khăn, tụ về  
gặp ngoài nó, chào trong tê  
cháy gốc quê, một mùa hè, toả xanh...

sông Gianh nhưc nôi chưa lành?  
nôi đau Bến Hải lại hành hạ nhau  
hoà giải nay tận ngàn sau  
đình làm chúng giữa trời sâu đất dày.

*08:30 – 11:45, 07-11 HB14 (2014)*

*(\*) Trận chiến Thành Cổ - Quảng Trị 1972 là khốc liệt nhất  
trong chiến tranh Việt Nam.*

Bài 11

**NÓI TO**

**NỖI BI TRÁNG NAM TIẾN**

đất nước uất hờn là chiếc đục  
đau lòng phải lún xuống phương nam  
bao lần bật lại, ngời hờn sử  
dùi gõ văng ra: Đại Hán thâm

đất nước tự trui thành cán thép  
không tra quả sắt rạn âm thầm  
mong chờ Tàu nứt làm nhiều mảnh  
lại sáng chân tâm ngọc Việt Nam

đất nước sao quên buồn Bách Việt  
lửa tòi Lương Quảng mấy ngàn năm  
nói to bi tráng cùng trời đất  
oằn giữ Biển Đông. Lặng sóng gầm.

*07:10 – 08:30 – 12:05 – 14:40,*

*09-11 HB14 (2014)*

Bài 12

## **HÒA GIẢI – TẠ TỘI**

thuở hấn lớn lên bom đạn đã thét gầm  
khát khao hòa bình. Hòa bình?

Thì chỉ một Miền toàn thắng!  
phản chiến? Là để tuôn tràn sóng đỏ vào Nam  
ngấn ngùi mừng vui, bao năm cay đắng

văn sử không ngừng sỉ nhục, bức hiếp, buộc nín câm  
sống trên Tổ quốc cũng phải lưu vong thâm lặng  
hấn xót xa, ân hận. Và nhiều người  
thấy mình là chính hấn  
cùng xin cúi đầu, tạ tội với Miền Nam.

*13:07 – 14:13, 12-11 HB14 (2014)*

Bài 13  
**CHUYỆN VỀ NỬA ĐẤT NƯỚC  
BỊ CHỬI RỬA**

1

hàng triệu người bị chửi rửa suốt đêm ngày  
tháng này qua năm khác

ban đầu, họ nhục nhã, khổ đau, tìm đường trốn thoát  
có người nổi dậy, chấp nhận tù đầy trong tù đầy

dần dà, họ tập cười, nghe chửi rửa mình  
qua từng bông trầm khúc hát  
tập cười, xem chửi rửa mình  
trong bao phim ngắn, sách dài

sau bao nhiêu năm, đắng cay không còn là đắng cay  
bộ não, trái tim chai lì, vô tri giác

một ngày nào đó, nếu hết chửi rửa trên báo, đài,  
trong phim, nhạc  
chính họ viết đơn  
xin được mãi hoài bị chửi rửa thật hay!

kinh ngạc, kinh ngạc thay!  
ai cười khặc, khóc nấc?





Bài 14  
**LỄ RA ĐÃ TỪ 1973**

đất nước liền một dải. Nhưng văn chương chúng ta?  
 còn khiến nửa đôi mắt cười, nửa đôi mắt khóc  
 đất nước hưng trầm cảm, phân liệt mọi quê nhà  
 do bao bài báo, cuốn phim còn hình thành  
 bởi tâm chia cắt

vì sao khi triệu người vui, có triệu người buồn? (\*)  
 thừa mẹ, và bạn ơi, phải chững bởi không chân thật  
 không chân thật với đồng bào  
     về *Chiến tranh “Hai con đường”*  
 máu xương suốt mấy mươi năm,  
     do *“Hai con đường”*, hai phía giặc

xin thể hiện rõ ra, triệu người chống cộng,  
     mãi yêu Tổ quốc, quê nhà  
 triệu người cộng sản đấu tranh giai cấp,  
     nhưng vẫn yêu quê nhà, Tổ quốc  
 cuộc chiến thắng thua, vẫn rõ ràng, không gì khác  
 đảng hoàng thắng, đảng hoàng thua, bởi rất Việt Nam

tiểu thuyết này viết ra, đâu làm Miền Bắc buốt tim  
bài thơ kia đăng báo, đâu làm Miền Nam đứt ruột  
oi một chín bảy ba, lẽ ra...

Và gần bốn mươi năm trước  
đất nước liền một dải hòa bình,  
chúng ta đã hòa giải thật thà...

*15 & 16-11 HB14 (2014)*

*(\*) Lời cố thủ tướng Võ Văn Kiệt phát biểu vào năm 2005.*

Bài 15

## HOÀ GIẢI BẰNG SỰ THẬT

hoà giải bằng hiệp định, nhưng hiệp định bị bỏ qua  
thì sự thật hoà giải bằng máu xương Tây Nam,

biên giới Bắc

Hoàng Sa khuất sương, Gạc Ma mờ sương,

thì Liên Xô rã nát

và lưỡi quỷ Biển Đông!

Sự thật hoà giải Việt Nam mình

một trăm ba mươi một năm! (\*) Mãi đến hôm nay,  
ôi Đất nước!

từ khổ nhục phải vùng lên, nên sáng ngời

xen lăm lặc, cuồng say

cầu ý hệ Hiền Lương, máu xương chất ngất...

rồi hiệp định hoà giải bị bỏ qua,

thì sự thật thế giới phơi bày,

cho tay người Việt nổi liền tay.

*13:11 – 14:02, 17-11 HB14 (2014)*

(\*) 1858-1989.

Bài 16

**VIẾT TIẾP**

**BÀI “HOÀ GIẢI BẰNG SỰ THẬT”**

giẫm lên hiệp định, quân lao tới  
ngồi đợi bàn giao? Buộc phải hàng!  
sóng đỏ quật nhau, tan sóng đỏ (\*)  
cũng đâu hàng sự thật rồi chẳng?

*08:10 – 09:15, 18-11 HB14 (2014)*

*(\*) Ba câu đầu: 1973, 1975 và giai đoạn sau đó.*

Bài 17

**NGO NGOE DẤU HỎI**

thử tìm câu hỏi bao năm trước  
 đi lính hồng quân hay bảo hoàng?  
 xương máu “hai con đường” thế giới  
 ngo ngoe đều địa, đỏ hay vàng? (\*)

*13:12 – 15:25, 18-11 HB14 (2014)*

*(\*) Chữ “hoàng” trong từ ghép “bảo hoàng” có nghĩa là vua (chế độ quân chủ), không phải là màu vàng. Mặt chữ Hán của hai từ “hoàng” này khác nhau. Tuy nhiên, các triều vua nước ta vẫn chọn màu vàng làm màu tiêu biểu (vàng tượng trưng cho hành thổ trong ngũ hành, chỉ trung ương; vàng cùng sắc độ nóng như đỏ, cam, chỉ phương nam).*

Bài 18

**NHỚ NGƯỜI TÙNG Ở TRẠI TÙ TÀN BINH  
THUỞ ĐÓ**

này thơ tôi hát giữa đời  
tặng người xanh tóc, úa nơi trại tù  
đỏ tháng tư, đen tháng tư  
thắng và thua nữ nặng thù nhau sao!

cùng phận rừng sâu, miền cao  
tôi dạy học, người cuốc cào rẫy nương  
hiều nỗi buồn thấu tận xương  
nhớ câu lỡ vận còn thương đến giờ

người yêu nước đỏ rực cờ  
cũng yêu nước, người ngủ mơ xưa vàng  
xót lòng một thuở trái ngang  
nỗi đau ý hệ thấm tràn bao năm

bây giờ người chẳng xa xăm  
hai từ *yêu nước* khỏi thăm gọi nhau  
trang xã hội hết nhãn nhàu  
người yêu nước bạc tóc râu trải lòng

sông chính tôi, rẽ nhánh sông  
chạnh niêm, cuộn xoáy, cũng dòng thơ tôi  
là khi thương lá vàng rơi  
quyện vào hồng đỏ đắp bồi phù sa

nhớ người, nhớ tháng ngày xa...

22:39, 18-11 HB14 (2014)

Bài 19

**THÔ MỘC HỎI – ĐÁP  
VÀ NÉN HƯƠNG MUỘN**

*hỏi, sao ông chống cộng  
lại dựa vào giặc Pháp, thực dân?*

*đáp, vì đó là giặc vô thần, ngoại bang  
vì chẳng lẽ đuổi voi rước hổ  
vì can thiệp Mỹ là đồng minh nhân quyền  
nhân quyền không giáo dục căm thù, đấu tố  
vì cờ vàng là màu vàng rộng mở phương nam,  
Đàng Trong*

xem trích đoạn biên bản  
thấy chân thành, sao dường như ngông  
anh quân giáo tàn binh: *bọn nguy là vậy đó*

sau ba mươi năm  
thấp hương cho nắm mồ, sau trại tù thuở nọ  
đau xót nỗi oan xưa, bật ra hai từ *vận nước*,  
khóc ròng.

*sáng 23-11 HB14 (2014)*

Bài 20

**BẾN HẢI**

**VÀ LỚP NGƯỜI TRẮNG TÓC**

nổi niềm thật sử giữa đời  
nung nấu thơ, kịp đọc rồi (muộn không?)

ngành tư liệu đọng mỗi dòng  
cũng là xương núi máu sông kết thành

bao trận bút vẫn nguyên lành  
thơ *câu ý hệ*, đâu đành băng quơ!

lắng nghe muôn triệu ban thờ  
núi sông hoà giải hai bờ Hiền Lương

trong tôi sâu nặng vết thương  
vì *sông tuyến* giữa quê hương một thời

tay chưa cầm súng tôi ơi  
ghi phần trắng buổi đời vẫn đau

xuyên ngàn sách sử xưa sau  
kịp bao nhân chứng bạc đầu xem thơ.

*10:10 – 15:49, 24-11 HB14 (2014)*



Bài 21

**HỎI ĐÔNG DƯƠNG, HỎI BẮC PHI**

cầu Ý Hệ mãi sóng xao  
 sóng xao nổi trầm tư Bến Hải:  
 sao Đông Dương bùng cháy  
 máu xương gập vạ Bắc Phi? (\*)

trong *Chiến tranh lạnh*, bao thứ giặc còn cuồng si  
 sao Việt Nam thành điểm nóng?  
 Điện Biên thấp lửa Bắc Phi? đâu nguồn súng ống?  
 sao họ khác đường đi?

bao chuyến xe qua đây, xin ngấm nghĩ  
 lắng nghe cầu Ý Hệ nói điều chi:  
 mất nước, chỉ giương cao ngọn cờ cứu nước  
 xin đừng giương thêm cờ tín niệm gì.

25-11 HB14 (2014)

(\*) *Marroc (1956), Tunisie (1956), Algérie (1962).*

## Bài 22

**ĐÚ ĐẦY HAI BỜ BẾN HẢI**

tôi nhìn về thuở chưa sinh  
 hiểu thời Bến Hải lòng mình chẻ đôi  
 hoà bình, em mới chào đời  
 nghe biên giới Bắc đội trời Tây Nam

tuổi cách nhau hai mươi năm  
 cùng đau đáu sóng thét gầm Biển Đông  
 thấu nỗi niềm mỗi cha ông  
 trăm năm trước, đến chia dòng, Hiền Lương!

học tôi, giờ tóc chớm sương  
 xanh giữa đời, xanh tới trường, trò em  
 học cho Bến Hải sâu thêm  
 học trong lớp nắng, ngoài thêm lớp mưa

bây giờ đất nước khác xưa  
 cả mưa lẫn nắng đều ùa vào tay  
 hai miền trí sáng máu đầy  
 đương đầu hai khối giạt dầy, vẫn mình

trừ đi bèo bọt phiêu linh  
 tước đôi sông, sông quán tình nghĩa sông  
 vẫn lòng yêu nước cha ông  
 sắc cờ nào cũng Trống Đồng này thôi

bao năm tôi viết đắp bồi  
cho thời dạy học sông trôi nửa dòng!  
đều mưa đục, đều nắng trong  
mùng chưa, giáo án trọn lòng Hiền Lương?

*08:10 – 17:15, 30-11 HB14 (2014)*

Bài 23

**NHỚ LỄ THÔNG TÀU THÔNG NHẤT  
NÓI LIỀN SÔNG BẾN HẢI**

*Kính tặng anh Võ Quê (nhà thơ),  
người đi cùng tôi trên chuyến tàu ấy.*

phát quang lau lách đôi bờ  
dải mô đường sắt bất ngờ hiện ra  
cầu Tiên An đã bắc qua  
có tôi trong buổi nói ta với mình

thuở sinh viên hồn trắng tinh  
mây trời sáng ấy thật tình trắng tươi  
nắng sông Bến Hải chớp ngời  
đầu máy ra, loé hồi còi, tàu vô

cái mừng thông nhất quá thơ  
cái đau hậu chiến ai ngờ nay mai  
chuyến đầu vào Huế không dài  
tiếp ba mươi bảy năm ngoài hình dung

men bia, say chuyện anh hùng  
lướt sâu hận, chẳng lạ lòng, phải không  
trên đường ray, vui bẽnh bông  
ngỡ bay thoát đất đau lòng chung quanh

vẫn trong quy luật chiến tranh  
là hậu chiến! Đời đã lạnh lặn đâu!  
tránh lợ, đành cạn nỗi đau  
chuyến tàu vui, nhân nhạt màu văn chương

bấy giờ sợ viết máu xương  
câu ý hệ cùng bi cuồng Tiên An  
niềm vui đường sắt bắc ngang  
thuở ban sơ đó, ngõ ngàng giờ đây

thơ tôi dài đến hôm nay  
vẫn hồn ngày nọ, sâu dày thời gian  
hơn hai mươi năm Tiên An  
nhân đôi, hậu chiến, xanh ngàn bờ đau.

*09:05 – 12:01, 05-11 HB14 (2014)*

Bài 24

**TRÒ CHUYỆN  
VỚI NGƯỜI BẠN CŨ**

1

chỉ một cách, nóng và mạnh  
vẽ người qua lại đôi bờ  
Hiền Lương, cầu xương trắng lạnh!  
vẽ ghe qua lại đôi bờ  
Bến Hải, đò sông máu quánh!

bạn bảo, ở tuổi học trò  
nghĩ cảm sùng là đức hạnh  
thống nhất, không thể đợi chờ  
vượt tuyến, vào bao trận đánh  
chiến trường Miền Nam như mơ  
ghim Mỹ cho Trung và Xô  
sáng trội lên, nhờ rồi rảnh  
và lịch sử luôn bất ngờ

2

thế rồi, đọc báo, sững sờ  
bức tường Berlin, trong ảnh!  
dấu Bàn Môn Điểm nghiêm trọng  
Hàn Quốc tươi vui lóng lánh  
nước Đài Loan hoa ngát cờ  
tự do ngẩng đầu kiêu hãnh  
bạn muốn xé tranh trăm mảnh  
muốn đốt cho tranh thành tro

bạn ơi, tranh tuổi ngậy ngô  
lưu giữ cho nghìn sau tránh  
đỉnh chắc hay treo lủng lơ...  
bức tranh nổi bờ, ru thơ:  
giá chưa xương máu bao giờ...

*13:10 – 17:24, 06-12 HB14 (2014)*

Bài 25

**CA DAO PHOI XẼ, XÓI LẬT  
VÀ NHỮNG GÓC NHÌN**

khác chi áo sẫm hay tươi  
trái cùng phải, mặc quanh người xưa nay  
có chãng sần sùi vỏ cây  
bên trong, thớ gỗ vân mây sóng tròn  
cũng đều ruộng trũng, rẫy cồn  
cần bao xói lật, xanh hơn mùa màng  
lũ rồi, Bến Hải dịu dàng  
Hiền Lương, nhìn xuống, nhìn ngang, ngửa nhìn

thật chãng, hay chãng thể tin  
bản in thơ có khắc in vào hồn?  
đất cần, bừa lại cho non  
áo phơi cho sạch, gỗ ròn bóng soi  
càng sâu sông tuyên trên đời  
rõ câu ý hệ loài người năm xưa  
ca dao này đọng nắng mưa  
im, vang tiếng vọng, dạ thừa, tôi chờ.

*05:20 – 07:01, 07-12 HB14 (2014)*



Bài 26

## HAI BỜ NÓI HAI CHÂN TRỜI

hai bờ, Bến Hải một dòng  
 hai chân trời, hoá cầu vồng: Hiền Lương!  
 xanh – vàng, nhưng vạn chiến trường  
 vàng yêu quê đỏ, đỏ thương sao vàng!

giờ cầu di tích bắc ngang  
 ngỡ như bảy sắc trong quang phổ đời  
 giá không một giọt máu rơi  
 nhưng vào sử, triệu xác người, chẳng quên!

phương xa, hận đã thân quen  
 oán trong Tổ quốc còn đen sủi dày  
 hện nhau lễ hội cầu này  
 hai cửa bảy, bảy giăng bay trăm màu! (\*)

21 & 28-12 HB14 (2014)

(\*) Xanh – vàng, hai màu của cầu di tích Hiền Lương. Sắc màu đầy đủ của cầu vồng (từ địa phương: con lẹm) là bảy màu cơ bản được thấy ở quang phổ (đỏ, cam, vàng, lục, lam, chàm, tím), chia làm hai sắc độ chính là nóng và lạnh; trong ý nghĩa cụ thể này, đặc trưng cho Nam và Bắc. Từ đó, biến hóa ra trăm, ngàn màu sắc.

## Bài 27

**ĐIỆP NGŨ**

*Kính tặng cố thủ tướng Võ Văn Kiệt*

chiếc cầu ý hệ, thuở xưa  
 nấng còn vang vọng với mưa, giữa đời  
 cầu vòng nổi mấy chân trời  
 cái vui tỉnh lại, nhẹ với cái buồn

cội hoài mãi nói với nguồn  
 đạn bom hai khối thời cuồng thế điên!  
 đừng ngông giọng hát, gây phiền  
 nhục thôi sâu trĩu, lệch nghiêng tâm mình

khóc, cười, đều thoáng tự khinh  
 đạn, còi, xương máu kinh hoàng nào  
 nói rồi, cứ lặp lại sao  
 trong bí kịch sử, tự hào điều chi

“*cầu ý hệ*”, lòng khắc ghi  
 đừng quên, ngay lúc quên đi bao điều  
 cho dù phim, sử còn điều  
 ba chữ ấy, cũng lành nhiều vết thương

là điệp ngữ giữa đời thường  
 nơi di tích hay giảng đường, bên sông  
 lành ba mươi năm tách dòng  
 một lòng non nước chia lòng nước non!

08:12 – 15:12, 12-12 HB14 (2014)

Bài 28

**ĐỎ CHỮ THẬP TRẮNG LIÊM**

đâu rồi hồng chữ thập  
đâu rồi đỏ trắng liêm  
trắng lá cờ không nhiễm  
giữa bản giết, thù hiềm?

tên lửa phụt cùng sử  
đại liên nổ cùng phim  
mìn bom bùng với nhạc  
thơ: lựu đạn? trái tim?

vết thương vỡ da thịt  
vết thương nát trí hồn  
đau tràn thế giới phẳng  
từ máy đời nước non

Hiền Lương đau xương lạnh  
Bến Hải đau máu sôi  
thơ phải hồng chữ thập  
đỏ trắng liêm hồn tôi

thật sông quê, lam biếc  
trong từng giọt, nắng soi  
cầu vòng: câu ý hệ  
cách điệu từ lâu rồi.

*10:10 – 12:11 – 14:09,  
13-12 HB14 (2014)*

Bài 29

**ĐỎ TIM TÔI**

em nhắc lại nhiều câu thơ tôi đỏ  
vàng, đúng rồi, thậm đỏ đã bao năm  
nhưng phản biện những đỏ nào bắt nạt  
ta đều nát tan – thân phận Miền Nam.

*07:01 – 07:30, 14-12 HB14 (2014)*

Bài 30

**MỘNG MỊ  
VỀ THĂM HIỀN LƯƠNG**

chén trà nóng trên tay  
đó là lửa trong nước  
khoai lùi, tim nên ướt  
là nước trong lửa đây

tưởng tượng quán thể này  
chung quanh xanh cỏ dại  
thành tứ thơ Bến Hải  
chiều Hiền Lương mưa bay

tập thơ mỏng trên tay  
thôi cũng đành khép khế  
cầu vòng: cầu ý hệ  
chỉ như gạch nối gầy

hàng triệu người phơi thân  
trong một gạch nối nhỏ  
thơ sao tràn rượu đỏ!  
nhưng trà, cũng đắng cay!

ai ngâm: Pháp về tây  
triều công giáo nên vỡ  
ai ngâm: thời đầu tổ  
Hoàng Sa, Tàu ngoạm ngay

cơ hồ cờ Hàn bay  
quê, âm dương vạn cổ  
cờ sao Triều nên đỏ  
trong tranh phen gió lay

ai cười như kẻ ngậy  
vũ trụ quan? quy luật?  
chén trà nguội lửa rít  
khoai đông lệ nền dày.

*07:12 – 15:32,  
15-12 HB14 (2014)*

Bài 31

**SÔNG THỊ BẾN HẢI (1954-1975)**

chia đôi, tết bím, cũng thương  
một cái cặp tóc Hiền Lương, càng ngời  
hai mươi một tuổi, qua đời  
mãi xanh hình tượng muôn đời suy tư (\*).

08:20 – 16:15, 16-12 HB14 (2014)

(\*). *Chỉ là một cách nhân hóa sông Bến Hải giai đoạn 1954-1975.*

Bài 32

**NHÌN THẮNG VÀO SỰ THẬT,  
VIẾT ĐÚNG SỰ THẬT**

trước khi giúp đuổi Pháp bằng Điện Biên  
Xô – Trung đặt ách vào Điều lệ Đỏ  
can thiệp Mỹ không dám cướp một mẩu đất gần,  
khơi xa

sao Trung Quốc buộc được dân ta  
hoan hô, ngợi ca rất cổ  
khi Mao chiếm ruộng rừng cương thổ,  
đoạt cả hai phần Hoàng Sa? (\*)  
sao dân ta chỉ được thét gào rồi lặng im, nín thở  
khi Vị Xuyên, Gạc Ma  
máu đỏ?

thống nhất đất nước bốn thập niên  
khuất mờ càng sáng tỏ  
một trăm ba mươi một năm bị trắng ca  
sao biển đảo kết bằng bao nốt vỡ?  
hồn thiêng Việt Minh chiến thắng Điện Biên  
xin giữ thêm, giữ sạch xót xa quái gở  
thúc Trống Đồng vang lừng rạng rỡ  
xứng đáng với bốn ngàn năm trong máu chúng ta.

08:05 – 09:50, 19-01 HB15 (2015)

(\*) *Đau xót tưởng nhớ 59 năm (20-02-1956) và 41 năm (19-01-1974) Trung Quốc chiếm quần đảo Hoàng Sa.*



Bài 33

**CUỐI NĂM TA, Ở QUÁN CÂY SANH,  
TRÀ LÁ VỚI MẤY NGOẠI QUỐC CŨ**

chẳng rõ gốc cây này mấy tuổi  
xem như cỡ độ vài trăm năm  
bọn ta, xung lưá nào tùy thích  
nhưng cũng nhân lên cho xứng tầm

Đà Nẵng, tính chung từ trận ấy  
Pháp, Tây, hai cậu phải lùi xa (1)  
Thanh – Trung, Nhật, Mỹ và Nga nữa (2)  
các cậu vào sau cũng đã già

râu tóc cây sanh – si ngốc đó (3)  
lẽ nào còn sống còn mê sao!  
việc chi tham đoạt, nung sên hận  
khiến ngực này, bom nổ, súng gào

cây sống, cây đời – sanh rọp miếu  
si trồng mọi nước chỉ yêu đương  
bảo giùm, các cậu ngoại bang cũ:  
trả đảo nhé Trung, đừng nhiều nhưong!

15:10 – 17:57, 26-01 HB15 (2015)

(1) 1858.

(2) Nhà Thanh, Nước Thanh, Thanh quốc (Trung Hoa cũ) đã can dự vào chiến tranh Việt – Pháp trong nửa sau thế kỉ XIX. Trung Hoa từ thuở đó đã có tham vọng chia đôi Bắc Kỳ nước ta với Pháp: "Bắc Kỳ mở" thuộc nước Thanh và "Bắc Kỳ gào" thuộc nước Pháp, lấy sông Hồng làm giới tuyến.

(3) Cây si (hay sanh) có đặt miếu thờ, thì chỉ gọi là cây sanh.

Bài 34

**VIẾT SAU TỜ LỊCH  
NGÀY ÔNG NGUYỄN BÁ THANH  
VÀO CÔI VĨNH HẰNG**

khát vọng nhân dân – chất lãng mạn hồng  
bồi đắp hình tượng ông trong đời thực

niềm tin cuối cùng  
đặt vào nước bản thân sinh ngã gục  
không cứu chữa được ông  
vẫn sáng lên hi vọng tình người, trái tim biết khóc  
chắc hẳn chẳng mông lung

trí tuệ nước mình  
đã giám định thuốc thang, bệnh tật  
giám định cảm thức nhân dân

với tinh táo sử, tôi chỉ dám tin  
sau hai mươi năm, giải mật  
với lãng mạn văn chương  
tôi như Đà Nẵng tin yêu ông hết lòng

hình tượng Nguyễn Bá Thanh  
 “*công lí bi*” Đồi mới tư duy (\*),  
 nhưng đồi khác  
 và dám thật  
 chỉ đường trong đêm tối mực  
 sơn chất sơn phản quang  
 sáng ngời nhưng không chói mắt  
 tương tác với bao ánh đèn mỗi lúc mỗi đông.

*sau 13 giờ, 13-02 –  
 07:18, 14-02 HB15 (2015)*

(\*) Một “*công lí*”: một cây số, 1.000 mét.  
 Bài thơ “*Công lí bi*” (Cột cây số) trong “*Nhật kí trong tù*”  
 của Hồ Chủ tịch.

Bài 35

**VIẾNG MỘ KHÔNG NĂM  
ANH TRỊNH CÔNG SƠN**

Gò Dưa trưa nắng  
nắng soi tôi già  
nhạc anh mãi mãi  
sáu hai – lên ba (\*)

anh đau thời chiến  
máu xối xương da  
tôi đau hậu chiến  
vì đâu, hỡi ta?

điều anh không hát  
khiến đời úa tà  
tôi đành viết hết  
cho đời trẻ ra

trưa nay viếng mộ  
cũng không năm hoa  
hoa bên chân tượng  
kết án lời ca?

anh chưa hề chết  
năm chơi trời xa  
mộ anh vàng vạc  
năm trắng sáng loà

bây giờ gần ngo  
bên tượng, xót xa  
tượng ơi, nắm sáng  
mặt trời trước ta.

*trưa 29-03 HB15 (2015)*

*(\* Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, 1939-2001, sáu mươi hai tuổi dương lịch; ngày mất theo âm lịch: 08 tháng 3 năm Tân Tì, tức 01-4-2001.*

Bài 36

**MÌNH VÀ TA,  
MỘT NỖI NIỀM XIN HÁT MÃI**

khi làm thơ về đồ  
không quên vàng, bi ca

*(thoát tám mươi năm uất  
thuở thế giới chia ba...  
nước dọc lìa, ngang cắt  
đều phải dựa gần xa)*

thương vàng và quý đồ  
trong sử mỗi quê nhà.

*13:30 – 14:50, 03-4 HB15 (2015)*

Bài 37

## TỰ GIẢI PHÓNG

các cuộc nội chiến thưở xa xưa  
mắt ngấm nhìn sau bao trang sử:  
dân, lính chẳng khát máu đồng bào  
chỉ vua chúa tham tàn quý sử

có khác xưa, cuộc chiến đỏ – vàng!  
oán mấy phía ngoại xâm hung dữ  
nhưng cường tín, tâm địa bảo thủ  
giặc nào nhôi, thành chúng ta sao?

*14:10 – 15:34, 15-04 HB15 (2015)  
& 16-4 HB15*

Bài 38

**VÒNG KIM CÔ**

vòng kim cô hay chíp điện tử?  
siết quanh đầu hay cây trong đầu?  
biên Bắc, Biên Đông, nín nhường, cầm cự  
bao lâu rồi? do đâu?

*14:10 – 15:34, 15-04 HB15 (2015)*



Bài 39

**NGHỊCH LÍ 30-4**  
**Ở ĐƯỜNG XÔ VIẾT**

kẻ chiến bại ném rồi quần áo trện  
vào tù, về quê, lại rất Việt Nam  
người toàn thắng chỉ còn mình là nguy  
nguy đồ giương cờ Nga thú nhận lắm?

*16-04 HB15 (2015)*

Bài 40

**CÀ PHÊ & PARACETAMOL 30-4**

ngụy đồ, ngụy vàng đều là ngụy cả  
thắng làm quan, thua là giặc, xưa nay  
cũng đều ngửa hai tay xin vũ khí  
ai thua, càng nhẹ tội với dân này

cựu ngụy vàng lại biết cười ha hả  
ta hết ngụy rồi, đã bốn mươi năm!  
bốn mươi năm qua, đồ còn ngụy đồ  
đầu Liên Xô ném cờ đồ bụi lấm

mẹ kính yêu buồn hai con vàng – đồ  
mấy thứ ngoại xâm, còn một đồ Tàu  
hai đứa Việt Nam thôi vàng thôi đồ  
để núi sông lành, biển đảo thôi đau.

*19-04 HB15 (2015)*

Bài 41

**THƯƠNG TIẾC MỘT HỒN THƠ TÀI TỬ**

*Nhớ anh Văn Viết Lộc*

từ đâu tài tử một đời  
Huế? Phương Nam? vợi nỗi đời gian nan  
vỡ rừng hoang, góc phố hoang  
lưu hồn vào xấp nguyệt san học trò  
nào ngờ thể phách hoá tro  
mộ trong bè bạn bây giờ khói hương!

*chiều 11-02 HB15 (2015)*

Bài 42

**THƯƠNG TIẾT ANH NGĂN**

*Quý mến gửi theo anh Lê Văn Ngăn (nhà thơ)*

thở đó, tôi và anh cùng Huế khô  
 chia thuốc lá đen, đời vẫn lung linh  
 chung li cà phê, mặc cơm lửng bụng  
 thích đạp xe khuya, thăm ngát hoà bình

băng đi nhiều năm, thư anh đượm nhớ  
 Huế kỉ niệm ơi, thành cõi mờ xa  
 thư tôi viết, nhớ Huế xưa, quận thất  
 khi trở về, ta như thất lạc ta!

anh chua xót, chỉ một thời tuổi trẻ  
 gắng cùng Quy Nhơn thức lại sức xuân  
 bỗng khóc anh, giữa mùa dài cõi trời  
 lúc mỗi cái nhìn đều phải cách tân!

09:10 – 11:40 – 14:05,  
 01-03 HB15 (2015)

Bài 43

**ĐẤT VÀNG MÀU DA**

người bán nhau nhưng đâu phải bán nhau  
bán những ngoại xâm sau lưng nhau đó  
thời gian lắng lòng, mắt nhìn càng rõ  
chiếc cầu ý hệ, đôi bờ lấm lấm

sự thật trên cờ, sự thật trong tâm  
vàng chân lí vàng? đỏ chân lí đỏ?  
chỉ Đất nước đằm sắc da tiên tổ  
thấm bản đồ màu gương mặt chúng ta

chưa từng cầm súng, nhưng bút thơ ca  
bị kẹt giữa mấy ngoại xâm một thuở  
thấy cầu Hiền Lương như bàn phím gỗ  
thương đất màu da (đâu phải màu cờ!)

màu lịch sử sáng trông đồng ban sơ  
dấu bao màu cờ, bao triều đại đỏ  
cầu ý hệ trong nghìn di tích cổ  
gỗ khúc sông Gianh, gỗ khúc Bản Tân (\*).

cầu ý hệ đau xót gấp vạn lần  
trăm Nguyễn Du, ngàn Thanh Quan hoài nhớ  
chẳng triệu Quang Trung nổi da cùi đố  
bạn cùng tôi thương đất một màu da.

08:14 – 10:50, 08-5 HB15 (2015)

(\*) Bản Tân, tức là cầu Bến Ván, nay thuộc huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, vốn là ranh giới lãnh thổ của Nguyễn Huệ và Nguyễn Nhạc.

Trần Xuân An – Để lòng người thôi trăm uất

Bài 44

**HAI PHÍA RỜI MỘT THƯƠNG YÊU**

tôi thương người lính vàng  
 héo tàn chim sử cò  
 tôi thương người lính đỏ  
 bia sao nhòe tàn nhang

nguy vàng, tay sai đỏ  
 đau một thuở thế gian  
 nền hoa thêm sáng tỏ:  
 đều xua giặc ngoại bang

phân cách bao nghĩa trang  
 tình dân không khác mộ  
 nước mắt mẫn mẫn gió  
 bại oan như thắng oan

tôi yêu người lính vàng  
 thom danh trang sử mở  
 tôi yêu người lính đỏ  
 tuổi dài đến mệnh mang.

*19:30 – 20-32, 24-7 HB15 (2015)*

## Bài 45

**SAU CHIẾN TRANH HAI PHÍA**

xót thương ruộng rùng cây lá  
 bao mùa gân, bao mùa xa  
 nắng mưa rơi muôn dấu hỏi  
 nghìn năm, trăm năm đã qua

bán đảo, nổi niềm Bến Hải (1)  
 có trước khi tôi sinh ra  
 sao đạn nát đời bút phím  
 sao mìn tan bao mùa hoa?

ta khỏ gió độc tám hướng  
 đánh đánh mười phương, đánh ta  
 ta phân liệt cùng nhân loại!  
 tự hào, phải mới sử ca (2)

đất nào máu xương đến thế?  
 sông nào đành đoạn ruột rà?  
 sau cuộc chiến tranh hai phía  
 sửa lòng thương người, thương ta

tượng đài ngã ba Sa – Hải (3)  
 lính vàng chặn ngoại xâm tà  
 lính đỏ xua ngoại xâm dữ  
 lại siết tay giữa bao la

Biển Đông ngàn đời, đất – nước  
 còn đau Hoàng Sa, Trường Sa  
 nhân loại chung tay diệt dục  
 đồ sao đồ ngẫu Hán – Hoa!

sáng 31-7 HB15

(1) Bán đảo Đông Dương.

(2) Xem bài phụ lục 2 của Trần Xuân An, 01 & 02-8 HB15, cuối tập thơ này.

(3) Ngã ba sông, nơi sông Sa Lung đổ vào sông Bến Hải, gần cầu Hiền Lương. Về tượng đài này, chỉ là đề xuất, có thể được nhà cầm quyền cấp phép thực hiện hay không được thực hiện. Xin nói thêm: Vị trí tôi đề nghị vốn thuộc Miền Bắc, theo Hiệp định Geneve 1954. Đáng lẽ ra, nên chọn đặt tượng đài trên cầu Hiền Lương hay ngay giữa dòng sông Bến Hải (đúng vị trí giới tuyến). Tuy nhiên, như thế thì chi phí cao hơn nhiều lần. Và lại, đất nước đã nổi liền 40 năm, nên dựng tượng ở đất bên này hay đất bên kia thì cũng vậy. Chỉ cần trên tượng đài có hai người lính với hai lá cờ, cờ một sao và cờ ba sọc cùng với ba cụm chữ số 1945-1954-1975, là đủ thể hiện chủ đề.



Bài 46

**KẾT**

đúc chuông tim, bằng ống liều mũi đạn (1)  
bút thôi gõ rồi, sao cứ ngân nga:  
– đầu tượng lính, vàng Nam kê đỏ Bắc?  
vọng vang niềm *Cầu Ý Hệ* quê nhà

sông trắng nắng, giữa bờ vàng bờ đỏ  
trắng vở học trò, trắng tóc nhân dân  
ván cầu Hiền Lương liền bao dòng chữ  
Bên Hải trái lòng, trầm uất cũng ngân

cả tập thơ nói hai bờ, đồng vọng:  
*người bắn nhau, nhưng đâu phải bắn nhau  
bắn những ngoại xâm sau lưng nhau đó!* (2)  
tiếng chuông ngân nhắc nhở mãi ngàn sau

thơ viết, *Để lòng người thôi trầm uất*  
nở từ xương máu, đâu chỗ khai sinh?  
phế liệu đạn bom, chuông tim đã đúc  
bút thôi gọi về mấy triệu hương linh...

siêu thoát ngoa vinh, dây oan – “cởi trói”  
vẫn, sử thật, là hồn vía, mãi còn  
mấy triệu hương linh còn lên tiếng nói  
sống chan hoà cùng muôn thưở nước non.

07:10 – 08:10 & trưa 16-8 HB15 (2015)

(1) *Ống liều: vỏ đạn, cát-tút đạn (la cartouche).*  
(2) Hai câu thơ trong tập thơ thứ 14 của Trần Xuân An:  
“*Để lòng người thôi trầm uất*”.

Trần Xuân An – *Để lòng người thôi trầm uất*

**Phụ lục**

---

Bài 47

**MÀU SẮC DI TÍCH HIỀN LƯƠNG**

di tích cầu Hiền Lương phục chế như xưa  
 một bên vàng, vàng ba sọc đỏ  
 một bên xanh, nền đỏ sao vàng  
 (cờ Mặt trận in vào sông, gió bùng, sóng vỗ)

tám mươi chín mét mỗi bên, vậy đó  
 nhưng đâu chỉ hai mươi một năm máu đổ  
 mỗi bên cộng thêm vết thương, trùng trùng vết thương  
 trước và sau thuở nọ, bao năm?

sử học, văn chương nên chẳng làm rõ  
 các thứ giặc ngoại xâm, nội xâm...  
 không phải sơn bằng màu, mà viết bằng nghĩa chữ  
 để lãnh lặn vết thương hai khối, vết thương Việt Nam?

# 03 – 04:26, 31-03 HB14

Bài 48

**NHỚ VÀ MỪNG  
CHIẾN THẮNG ĐIỆN BIÊN 1954**

vắt cơm chiến hào đắng mùi Đại Hán  
cổ nuốt vào, làm chiến thắng Điện Biên  
hiếu oan máu Việt Nam mình phân hóa  
hương nhớ hoa mừng xin trọn thiêng liêng.

*09:01 – 09:34, 02-05 HB14 (2014)*

Bài 49  
**TỬ CHỐNG NGOẠI XÂM  
 ĐẾN HAI KHÓL..**

xương trắng  
 ngọt ba mươi năm (\*)  
 quan quân chống xâm lăng  
 không ngừng ướm máu kẻ sĩ, thường dân  
 sáu mươi năm tuôn chảy

lại ba mươi năm máu xương  
 giữa hai luồng  
 của ngàn sông: ngàn vực xoáy

Quang Trung nào  
 phải mất thêm mười năm biên giới Bắc, Tây Nam  
 máu xương gọi máu xương thức dậy  
 cũng chỉ chữa liền da  
 vết thương Hiền Lương?

lịch sử còn trông mong Quang Trung nào  
 sẽ chữa lành nỗi đau  
 Hoàng Sa, Gạc Ma quần quại?  
 sẽ chữa lành  
 nỗi danh dự máu xương thưở ấy  
 vẫn còn nhức nhối Miền Bắc – Miền Nam?

08:30 – 09:47, 30-04 HB14 (2014)

(\*) Các giai đoạn lịch sử trong bài thơ:  
 1858-1885-1888, 1885-1945, 1945-1975, 1975-1989...

Bài 50

**ĐIỂM NÓNG CHIẾN TRANH LẠNH**

hai miền Việt Nam như hai bàn tay  
mấy mươi năm mê dại, vổ vào nhau tóe máu  
tát vào Hai Khối say cơn cuồng bạo  
thắng thua thua thắng, ta cùng nhân loại tỉnh chưa?

*03:45, 29-04 HB14 (2014)*

Bài 51

**CÂU HỎI SAU BA MƯƠI CHÍN NĂM**

tháng tư, đò đôi bờ sông tuyền  
biển lại vàng thuyền ghe vượt đi  
nay một ngày, minh oan lịch sử  
sáng Nam – Bắc, sách muôn trời ghi?

*01:30 – 02:45, 25-04 HB14 (2014)*

**ROUGH ‘QUESTIONS – ANSWERS’  
AND A LATE JOSS-STICK**

Original (poem): Trần Xuân An

question: “*you had been an anti-communist soldier,  
but, why had you relied on the French enemy,  
colonialist, to fight against us?*”.

answer: “*because the red was the atheistic rebel,  
foreign aggressor, with their atheism;  
because, there was no reason why had we expelled  
the elephant to receive in style the tiger!  
because the USA interventionist was one of the allied  
countries, with the Human Rights;  
the Human Rights did not educate everybody feud,  
denounce publicly;  
because the Yellow flag was the yellow of dynasty  
which had enlarged the Southern,  
the Dang Trong  
(the ‘Inside’ Part of our Fatherland)*”.

read extract of that report on an interrogation  
felt heartfelt, but it had seemed obstinate  
an educator-warden of the defeated army’s remnants  
said: “*the puppet was suchlike!*”.



since that time, about thirty years had passed,  
burnt joss-stick on mound of a defeated soldier  
prisoner's grave,  
behind that old re-education camp,  
repented about victim of an injustice, he let two words  
slip out his mouth "*nation destiny!*",  
and he cried with sobs.

*Morning, 23 Nov 2014*

*Translation (meaning): T.X.A., 03 Dec 2014.*

## VIỆT NAM, ĐÀ TRƯỢT ĐỎ VÀ CHỖ NÍU VÀNG

Trần Xuân An

### DẪN NHẬP

“*Một sự kiện liên quan đến chiến tranh khi nhắc lại, có hàng triệu người vui, mà cũng có hàng triệu người buồn*”, câu nói của cố thủ tướng Võ Văn Kiệt cách đây khoảng mười năm, nhanh chóng lan truyền và thấm sâu, đồng thời giải tỏa uẩn ức lịch sử cho hàng chục triệu người Việt Nam. Trước đó, người ta biết hể đến Ngày 30-4 là chỉ được nói lên niềm vui mà thôi, còn nỗi đau, nỗi buồn mang màu sắc có thật là “*nội chiến đỏ - vàng*” lại phải tự đim xuống, lãng tránh đi. Ông Võ Văn Kiệt đã “*cởi trói*” giúp toàn dân tộc về vấn đề này.

Đỏ, hàng triệu người vui. Đó là sự thật. Nhưng liệu từ sau ngày 30-4-1975 khoảng vài ba năm, niềm vui đỏ có còn trọn vẹn không? Trập trùng khó khăn, do các chủ trương nóng vội, nghiệt ngã. Và Trung Quốc đã lộ rõ bộ mặt bành trướng. Rồi tiếp theo đó, giữa những năm 80 đến đầu thập niên 90/XX, Đông Âu và Liên Xô sụp đổ. Đỏ, như một giác mộng vỡ. Sự thể khiến chúng ta lại trăn trở, suy tư.

### 1.

Đà trượt đỏ? Tại sao không gọi là đà tiến đỏ?

Khởi đầu là Nguyễn Tất Thành đi tìm đường cứu nước, vào năm 1911. Đến Pháp, anh cũng đã từng xin vào học ở trường đào tạo quan chức thuộc địa của Pháp, nhưng bị từ chối. Dù vậy, việc xin vào học đó chứng tỏ, Nguyễn Tất Thành vẫn chỉ là người cải lương chủ nghĩa. Nhưng 9 năm sau, khi Lê-nin (Lénine) công bố “*Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa*” vào năm 1920, Nguyễn Ái Quốc (Nguyễn Tất Thành) mới khởi đầu con đường cách mạng đỏ của mình. Đà tiến cách mạng đỏ Việt Nam khởi đầu từ đó, nếu không kể đến anh lính thợ Tôn Đức

Thắng phát cờ đỏ ở Hải Hải trước đó 1 năm với ý thức giai cấp công nhân, chứ chưa phải là ý thức giải phóng dân tộc (vì từ Cách mạng Tháng Mười Nga, 1917, đến 1919, Lê-nin chưa nói gì đến vấn đề này, vấn đề mà Mác [Marx], Ăngghen [Engels], lẫn Lê-nin và cả Sta-lin [Staline] đều xem là thứ yếu!).

Quả thật, thuở đó, không có một nước nào, chính đảng nào ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc. Dù muốn dù không, Nguyễn Ái Quốc cũng không tìm ra chỗ dựa nào ngoài Liên Xô.

Nhiều tư liệu còn cho thấy Nguyễn Ái Quốc không quan tâm nhiều đến đấu tranh giai cấp, vốn là vấn đề chủ yếu của Lê-nin và của cả chế độ cộng sản ở Liên Xô, cũng như của Quốc tế Cộng sản III, một tổ chức mà thực chất là của chính Liên Xô. Nguyễn Ái Quốc bị bỏ rơi suốt gần mười năm, không được phân công công tác và trả lương, phụ cấp. Ông bị Liên Xô xem là thuộc loại dân tộc chủ nghĩa (nationaliste).

Cách mạng Tháng Tám với "*Tuyên ngôn độc lập*" do Hồ Chí Minh (Nguyễn Ái Quốc) đọc tại Quảng trường Ba Đình, cho thấy ông thuộc khuynh hướng cách mạng quốc gia, phi vô sản. Có thể do tư tưởng chính của ông và cũng một phần quan trọng là do sự ủng hộ của Mỹ -- lúc bấy giờ Mỹ, là lực lượng quan trọng nhất nhì trong phe Đồng minh, đang có mặt tại Việt Nam, đánh phát-xít Nhật và buộc được Nhật đầu hàng trên toàn châu Á.

Nhưng Mỹ nhanh chóng nhận ra Hồ Chí Minh là nhà cách mạng đỏ ki cực, có tâm niên theo chủ nghĩa cộng sản. Mỹ bỏ rơi Hồ Chí Minh, không trả lời nhiều thư Hồ Chí Minh kêu gọi sự ủng hộ tiếp tục của Mỹ để có thể kháng chiến chống thực dân Pháp, bấy giờ chúng đang tái xâm lược Việt Nam.

Mỹ, đến lúc này, những năm cuối thập niên 40/XX, lại rơi vào sự sai lầm nghiêm trọng. Đó là việc Mỹ xem việc lợi dụng thực dân Pháp để chống làn sóng đỏ cộng sản ở Đông

Dương và cả Đông Nam Á là thuận lợi nhất cho Khối Tự do (tư bản). Mỹ thỏa hiệp với thực dân cũ là Pháp, khi Mao Trạch Đông đã chiếm được toàn bộ lục địa Trung Hoa, thành lập thêm một nước cộng sản khổng lồ. Năm ấy, 1949, Mỹ bắt đầu viện trợ cho Bảo Đại (quốc trưởng, đứng đầu Quốc gia Việt Nam), thông qua Pháp.

Như vậy, không còn con đường nào khác, Hồ Chí Minh phải tiếp tục đi theo con đường đỏ, cộng sản chủ nghĩa, nhận viện trợ của Sta-lin và Mao, lệ thuộc hai lãnh tụ đỏ này. Và Mao được Sta-lin phân công phụ trách công việc đỏ hóa cả châu Á, đặc biệt là Đông Nam Á, trong đó có Đông Dương (Việt, Miên, Lào).

Hai văn kiện được trích dưới đây là những dẫn chứng không thể bác bỏ:

*“Đảng Lao động Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác - Ăngghen - Lênin - Xtalin và tư tưởng Mao Trạch Đông kết hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng”.*

(trích “Điều lệ Đảng Lao động Việt Nam”, Đại hội Đảng lần II, 1951).

*“Cuốn sách ‘Sơ lược lịch sử Trung Quốc hiện đại’, xuất bản năm 1954 ở Bắc Kinh, có bản đồ vẽ lãnh thổ Trung Quốc bao gồm cả nhiều nước chung quanh, kể cả ở Đông nam châu Á và vùng Biển Đông.*

*Ý đồ bành trướng của những người lãnh đạo Trung Quốc đặc biệt lộ rõ ở câu nói của chủ tịch Mao Trạch Đông trong cuộc hội đàm với đại biểu Đảng Lao động Việt Nam ở Vũ Hán năm 1963:*

*“Tôi sẽ làm chủ tịch của 500 triệu bần nông đưa quân xuống Đông nam châu Á”.*

*Cũng trong dịp này, chủ tịch Mao Trạch Đông so sánh nước Thái Lan với tỉnh Tứ Xuyên của Trung Quốc, về diện tích thì tương đương nhưng về số dân thì tỉnh Tứ Xuyên đông gấp đôi, và nói rằng Trung Quốc cần đưa người xuống Thái Lan để ở; đối với nước Lào đất rộng người thưa, chủ tịch*

Mao Trạch Đông cũng cho rằng Trung Quốc cần đưa người xuống Lào để ở.

Chủ tịch Mao Trạch Đông còn khẳng định trong cuộc họp của Bộ Chính trị ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Trung Quốc, tháng 8 năm 1965:

“Chúng ta phải giành cho được Đông nam châu Á, bao gồm cả Miền Nam Việt Nam, Thái Lan, Miến Điện, Malayxia và Singapo... Một vùng như Đông nam châu Á rất giàu, ở đây có nhiều khoáng sản... xứng đáng với sự tốn kém cần thiết để chiếm lấy... Sau khi giành được Đông nam châu Á, chúng ta có thể tăng cường được sức mạnh của chúng ta ở vùng này, lúc đó chúng ta sẽ có sức mạnh đương đầu với khối Liên Xô - Đông Âu, gió Đông sẽ thổi bạt gió Tây...” (\*).

(trích “Sự thật về quan hệ Việt Nam – Trung Quốc trong 30 năm qua”, Nhà xuất bản Sự Thật, 1979).

Như vậy, đến thời điểm đầu thập niên 50/XX này, và sau đó, có thể tính đến 1965, đà trượt dốc (hay đà tiến dốc theo tư tưởng thực dân, bành trướng Mao Trạch Đông...) đã hiện rõ.

Nhưng khoan vội, hãy quay lại với thời điểm 1954.

Năm ấy, với chiến thắng vang dội Điện Biên Phủ (có sự huấn luyện, cố vấn và viện trợ vũ khí, khí tài của Liên Xô, Trung Quốc), hiệp định Giơ-ne-vơ (Genève) được kí kết.

Cũng không còn con đường nào khác hơn là phải xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc Việt Nam. Do đó, công đoạn đầu tổ giai cấp (tước đoạt tài sản tư sản, địa chủ...) và tiêu diệt các chính đảng quốc gia như Quốc dân đảng đã diễn ra với sự cố vấn của Trung Quốc. Cán bộ cố vấn Trung Quốc có mặt ở từng đơn vị, từng địa phương thôn, xã.

Kế tiếp, để bảo vệ Miền Bắc xã hội chủ nghĩa, Hồ Chí Minh và Lê Duẩn đã phát động chiến tranh tại Miền Nam Việt Nam, bên kia vĩ tuyến 17. Đó cũng chính là chủ trương của Liên Xô, đặc biệt là của Trung Quốc: đồ hóa Đông Dương và cả Đông Nam Á, đồng thời ghìm Mỹ, buộc Mỹ

càng sa lầy tại Việt Nam càng tốt cho họ và cho Khối Cộng sản.

Dĩ nhiên, Hồ Chí Minh và Lê Duẩn đã nắm chắc quan điểm: để phòng ngừa chiến tranh, để chấm dứt chiến tranh, tốt nhất là phải bằng bạo lực chiến tranh, và, “*chính quyền từ hòng súng*”.

Sau 21 năm, từ 1954 đến 1975, đất nước Việt Nam cả hai miền đã được thống nhất, dưới ngọn cờ đỏ.

Từ đó, không còn con đường nào khác, là vẫn duy trì ngọn cờ chủ nghĩa xã hội, mặc dù Trung Quốc đã lộ rõ bản chất bành trướng từ 1956, 1974 ở Hoàng Sa, 1975 ở biên giới Tây Nam, ở Campuchia, 1988 ở Gạc Ma và các đá, bãi khác tại Trường Sa, và, 1991, chỗ dựa quan trọng nhất là Liên Xô cũng đã sụp đổ.

Khi gọi là đã trượt đờ, hậu thế chúng ta phải thấy rõ là trước 1920, không có nước mạnh nào, chính đảng ngoại quốc có thực lực nào ủng hộ Việt Nam chúng ta, để có thể đánh đuổi thực dân Pháp, giành lại độc lập cho dân tộc. Từ 1920, chỉ có Liên Xô, và sau Liên Xô, là cả khối cộng sản ủng hộ, dĩ nhiên với điều kiện phải lệ thuộc vào Liên Xô, phải đi theo con đường đỏ, con đường Cách mạng Tháng Mười Nga. Trong đó, về địa chính trị, Trung Quốc là nước gần kề, được sự ủy nhiệm của Liên Xô, và Đảng Cộng sản Việt Nam trực tiếp phụ thuộc Trung Quốc.

Mỹ có ủng hộ Cách mạng Tháng Tám 1945, nhưng sau đó Mỹ đã xem việc chống cộng sản là quan trọng hơn việc ủng hộ phong trào giành độc lập dân tộc.

Với quan điểm bạo lực cách mạng là tiên quyết, “lấy công làm thủ”, và tương kế tựu kế theo tham vọng bành trướng và bá quyền Liên Xô – Trung Quốc, Hồ Chí Minh và Lê Duẩn ở Hà Nội không thể không lao theo đà tiến đờ (hay đã trượt đờ). Và lại, thống nhất đất nước vốn là nguyện vọng có tính truyền thống nghìn đời của dân tộc Việt Nam (mặc dù thực chất toàn dân không thích đờ cũng không thích

vàng). Do đó, tình thế đã hội đủ điều kiện thuận lợi cho Hà Nội phát động chiến tranh vào Miền Nam nước ta.

Đà tiến đồ hay đà trượt đồ, như vậy, là từ 1920 cho đến nay, 2015.

Một bộ phận rất lớn trong dân tộc ta thuộc khuynh hướng chính trị vàng (vì không đỏ), nhất là những ai thuộc Miền Nam Việt Nam trong giai đoạn chia cắt Nam – Bắc (1954-1975), xin cảm thông cho bộ phận đỏ như thế.

Nhưng đỏ có thẩu hiệu vàng không? Thẩu hiệu như thế nào?

## 2.

Lâu nay, có quá nhiều bài báo, nhiều cuốn sách đủ thể loại viết về Miền Nam theo quan điểm, lập trường của cấp lãnh đạo cao nhất tại Miền Bắc. Gần đây, cũng có một ít bài viết trên mạng toàn cầu thể hiện sự khác biệt, độc lập nhận thức về Miền Nam. Trường hợp thứ nhất, quá giống nhau, sự giống nhau của những chiếc loa tuyên truyền được sản xuất hàng loạt (chưa nói tốt hay xấu). Trường hợp thứ hai, có những cái nhìn riêng, nên khá phong phú, nhưng tựu trung đều cho Miền Nam phồn thịnh hơn, dân chủ hơn, tân tiến hơn và đa dạng hơn.

Có phải như thế không? Có thể đúng. Nhưng đó có phải là vấn đề trung tâm nhất hay không?

Tại sao đã hình tượng hoá tiến trình cách mạng vô sản ở Việt Nam (từ 1920, 1930 đến nay) là “*đà trượt đồ*”, lại còn gọi gần 30 năm Quốc gia Việt Nam (1947-1955) – Việt Nam cộng hoà (1955-1975) là “*chỗ níu vàng*”?

Vàng, bắt đầu từ đâu? Từ lá cờ vàng của triều Nguyễn. Đó là lá cờ mà sau cuộc kinh đô quật khởi và thất thủ tháng 7-1885, bị thực dân Pháp gắn vào một góc của nó lá cờ tam sắc (cờ “tam tài”), rồi vẫn nền vàng cố hữu nhưng không còn góc tam sắc, mà trải dài theo chiều dọc, ở giữa, là quẻ li (trong Kinh Dịch) màu đỏ, dưới thời Bảo Đại – Trần Trọng

Kim (3-1945), rồi quẻ càn đỏ, thời thành lập Quốc gia Việt Nam với quốc trưởng Bảo Đại (1947). Đó là cờ nền vàng (căn bản) ba sọc đỏ (có biến đổi). Lá cờ vàng này pháp phối trên đỉnh Đệ nhất cộng hoà Ngô Đình Diệm (1955-1963) cho đến Đệ nhị cộng hoà Nguyễn Văn Thiệu (1967-1975). Nó có truyền thống, bắt nguồn từ các đời chúa Nguyễn, vương triều Nguyễn độc lập và còn độc lập (1558-1802-1885). Về mặt hình thức, nó cũng độc lập, không giống một chút gì cờ Pháp, cờ Nhật, cờ Mỹ.

Khi gọi chế độ chính trị ở Miền Bắc xã hội chủ nghĩa là đỏ, ấy là căn cứ vào màu cờ cộng sản (Khối Cộng sản), nhưng ở dạng Việt Nam (cờ Việt Nam hiện hành). Còn gọi vàng, tức là nói đến chính thể quân chủ lập hiến, tổng thống chế, nói chung là không cộng sản (phi cách mạng vô sản), thuộc Thế giới Tự do (Khối Tự bản). Chính xác hơn, đỏ (với hình tượng ngôi sao năm cánh, búa liềm) là màu biểu tượng của cộng sản toàn cầu, còn vàng chỉ là màu quốc gia Việt Nam, Miền Nam Việt Nam, trong Khối Tự do, vốn đa dạng, tùy ý của mỗi nước.

Vàng, xuất phát từ vương triều chính thống Nguyễn. Mặc dù có giai đoạn bị thực dân Pháp xâm chiếm, phải nhượng đất, phải chịu “bảo hộ” bởi Pháp sau đỉnh điểm mâu thuẫn giữa phe chủ chiến yêu nước và thực dân Pháp (1885-1945), rồi bị phát-xít Nhật khống chế (22-9-1940), nhất là sau khi Nhật đảo chính Pháp (09-3-1945, đến khi Nhật đầu hàng Đồng minh, 14-8-1945), vương triều Nguyễn cũng chỉ bị xem như nàng Kiều của Nguyễn Du, tuy phải hoàn toàn làm gái lầu xanh đến 60 năm (1885-1945).

Hắn đến nay, ai cũng biết Bảo Đại trao ấn tín cho Việt Minh (Việt Minh được sự ủng hộ trực tiếp của Mỹ), thoái vị, kết thúc vương triều phong kiến Nguyễn, trong Cách mạng Tháng 8 năm 1945, chỉ là bất đắc dĩ.

Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà do Hồ Chí Minh khai sinh bằng bản “*Tuyên ngôn độc lập*” tuyệt vời của ông, không có màu sắc đỏ, cộng sản chủ nghĩa kiểu Liên



Xô. Bấy giờ, Đảng Cộng sản Đông Dương đã giả vờ giải thể, chỉ còn là một cơ quan nghiên cứu chủ nghĩa Mác (Marx). Mặt trận Việt Minh (Việt Nam độc lập đồng minh hội) không phải đơn thuần, độc nhất cộng sản. Nó ủng hộ Đồng minh, mà Đồng minh ở Việt Nam là Mỹ, một cường quốc mới cùng Liên Xô đánh tan trục phát-xít Đức, Ý, Nhật trên toàn thế giới. Chính điều đó đã tập hợp được toàn thể nhân dân Việt Nam. Nhân sĩ, như cụ Huỳnh Thúc Kháng. Chính đảng quốc gia, ngoại trừ các nhánh Đại Việt đảng bị giải thể, cấm hoạt động, còn lại đều tham chính, như Việt Nam quốc dân đảng (Việt Quốc), Việt Nam cách mệnh đồng minh hội (Việt Cách).

Nhưng hầu như ai cũng đoán biết đó chỉ là sự thoả hiệp tạm thời của Hồ Chí Minh mà thôi. Họ không phải ngây thơ, ấu trĩ đến mức không hiểu bản chất của cộng sản là độc quyền, toàn trị. Cách mạng Tháng Mười Nga 1917, đến thời điểm đó, 1945, đã trải qua 28 năm, và cả thế giới, đặc biệt là giới trí thức, chính giới đều hiểu chủ trương, đường lối, phương pháp cách mạng của cộng sản mác-xít, lê-nin-nít (marxiste – léniniste).

Từ 16-3-1946, Bảo Đại đã thoát sang Hồng Kông. Đầu tháng 7-1946, xảy ra vụ án ở đường Ôn Như Hầu, Hà Nội, thực chất là cuộc tranh chấp quyền lực giữa Cộng sản với Việt Quốc, Việt Cách. Như vậy, đã có sự tan rã, sự thanh trừng trong chính phủ liên hiệp Việt Nam dân chủ cộng hoà mới được khai sinh. Vàng, bộ phận quốc gia chủ nghĩa, phi cộng sản, gồm các chính đảng quốc gia, các tôn giáo, biết rằng không thể hợp tác lâu dài với đồ, phe cộng sản, với chủ tịch Hồ Chí Minh, vốn chủ trương chuyên chính vô sản. Họ tìm sang Côn Minh, Hồng Kông, để gặp Bảo Đại, vận động thành lập Chính phủ Quốc gia Việt Nam. Một khi Hồ Chí Minh đã kí thoả ước chấp nhận đặt Việt Nam dân chủ cộng hoà vào Khối Liên hiệp Pháp, thì họ, lực lượng quốc gia, cũng thế.

Tháng 12-1946, toàn quốc kháng chiến, vì thực dân Pháp sau mấy tháng theo Anh - Ấn vào giải giới Nhật ở các tỉnh phía Nam vĩ tuyến 16, đã thực sự tái xâm lược Việt Nam. Những người quốc gia vào chiến khu, lại xung đột với Cộng sản, nên trở về thành, tìm đến Quốc gia Việt Nam do Bảo Đại đứng đầu.

Lá cờ vàng với nền vàng tượng trưng cho Phương Nam của các đời chúa Nguyễn rồi cả vương triều Nguyễn nhất thống, thêm quẻ càn (tượng trưng cho Trời) là ba sọc đỏ, đã trở nên “chỗ níu vàng” cho bộ phận chính trị theo khuynh quốc gia, phi cộng sản. Họ chấp nhận đặt Quốc gia Việt Nam vào Khối Liên hiệp Pháp với nền độc lập tương đối, có bị hạn chế và nền thống nhất đất nước cả ba kì Trung – Nam – Bắc, và hi vọng sẽ tranh đấu dần dần cho độc lập dân tộc hoàn toàn. Họ không thể chung vai sát cánh, cùng ý thức hệ với bộ phận cách mạng đỏ, do nhà cộng sản kì cựu Hồ Chí Minh đứng đầu. Mỹ cũng đang và sẽ ủng hộ Quốc gia Việt Nam.

Từ đó, sự phân hoá đỏ - vàng trở nên gay gắt trong tình thế **Chiến tranh lạnh** (1945-1991) diễn ra trên thế giới. Đỏ, ngã hẳn về phía Liên Xô, Đông Âu, và đến năm 1949, **đồng thời ngã về Trung Quốc đỏ**. Mao Trạch Đông (từ nội chiến cách mạng, rồi liên minh quốc – cộng chống Nhật, đến đuổi hẳn Trung Hoa quốc dân đảng ra đảo Đài Loan) đã thành lập Nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa đỏ, vào năm 1949 ấy. Vàng, ngã hẳn về phía Pháp và Mỹ, **khí biết rõ Mỹ là nguồn ủng hộ chính**. Mỹ đã viện trợ cho Quốc gia Việt Nam của Bảo Đại, thông qua Pháp. Chính phủ vàng biết chắc rằng **sớm muộn gì Mỹ cũng sẽ gạt thực dân Pháp ra khỏi Đông Dương, và chính phủ vàng sẽ đứng vào khối đồng minh của Mỹ, họ sẽ không còn dính líu gì đến thực dân Pháp nữa**. Quân đội Quốc gia Việt Nam được thành lập từ đó, với mục đích chống cộng, bảo vệ nước Việt Nam thoát khỏi “quốc họa cộng sản”, nói theo ngôn từ của phe vàng.

Tuy nhiên, đến tháng 7-1954, chính phe cộng sản do Hồ Chí Minh đứng đầu, với sự viện trợ, huấn luyện, cố vấn của Liên Xô, Trung Quốc, mới là lực lượng hoàn toàn đánh bại thực dân Pháp, cho dù Pháp nhận viện trợ của Mỹ (đến 80% chiến phí).

20-7-1954, Hiệp định Giơ-ne-vơ (Genève) được kí kết, chia đôi hai miền Nam – Bắc, ranh giới tạm thời là Vĩ tuyến 17. Bản đồ Việt Nam từ đó bị tô hai màu rõ rệt: Bắc đỏ - Nam vàng.

Mặc dù Trung Quốc, Liên Xô đều thoả thuận với Pháp và các cường quốc khác để lấy Vĩ tuyến 17 làm giới tuyến, nhưng Mỹ và Quốc gia Việt Nam vẫn không kí tên. Điều đó sẽ được thể hiện thành thực tế là Mỹ cùng Ngô Đình Diệm (07-7-1954, thủ tướng, đại diện Thiên Chúa giáo, dưới trướng quốc trưởng Bảo Đại) quyết chia cắt lâu dài nước ta, quyết không chấp nhận Tổng tuyển cử.

Trong hai năm 1955-1956, Pháp hoàn toàn rút quân khỏi hai miền Nam, Bắc, không còn dính líu gì đến nước ta nữa.

Trong quãng thời gian đó, 26-10-1955, Ngô Đình Diệm, được sự ủng hộ của Mỹ, nhất là Vatican, đã trở thành tổng thống, mở đầu nền Đệ nhất Cộng hoà tại Miền Nam Việt Nam, với quốc hiệu là Việt Nam cộng hoà. Quân đội Quốc gia Việt Nam của Bảo Đại cũng đã được đồng hoá thành Quân đội Việt Nam cộng hoà.

Lá cờ nền vàng (Phương Nam, triều Nguyễn) với ba sọc đỏ (quẻ càn: Trời) vẫn là quốc kì. Quốc ca vẫn là bài hát chống Pháp, Nhật của nhạc sĩ Lưu Hữu Phước (1939), vốn không có nội dung cộng sản, xã hội chủ nghĩa.

Từ đó cho đến 30-4-1975, suốt 21 năm, trải qua giai đoạn Đệ nhất Cộng hoà (1955-1963), thời biến động (1963-1967, nhiều chính phủ thay nhau) và giai đoạn Đệ nhị Cộng hoà (1967-1975, Nguyễn Văn Thiệu), Miền Nam như một quốc gia riêng biệt, tương tự như Tây Đức, Nam Hàn (Hàn quốc), Đài Loan, được nhiều nước trên thế giới công nhận,

thiết lập quan hệ ngoại giao, và đưa quân đội sang tham chiến bảo vệ.

Vàng, chỗ níu của bộ phận cách mạng quốc gia, của bộ phận nhân dân không thể sống dưới chế độ đỏ, vô thần, vô sản hoá (nguyên gốc là “tam vô”), độc tài, đảng trị, lệ thuộc “quan thầy Nga Sô, Trung Cộng” (nói theo ngôn ngữ vàng), là như thế. Nói cách khác, vàng, không gì khác hơn là chính thể vàng (chế độ chính trị - kinh tế tự do, tư bản chủ nghĩa). Chính thể phi cộng sản, phi đỏ (dĩ nhiên là tư bản chủ nghĩa), là tất cả, chứ không phải cá nhân quốc trưởng hay vua, tổng thống này hay tổng thống khác.

Ở thể bất buộc, cũng như tại Miền Bắc xã hội chủ nghĩa, đấu tố giai cấp (trước đoạt tài sản tư sản, địa chủ...), thanh trừng, tiêu diệt Quốc dân đảng và các thành phần không thân thiện với chế độ đỏ, thì tại Miền Nam, là đánh bại và thu phục các lực lượng Hoà Hảo, Bình Xuyên, Cao Đài vốn chủ trương ủng hộ Bảo Đại, đồng thời tố cộng, diệt cộng sản “năm vùng”, lẫn lộn vào dân cư để kích động bạo loạn. Máu đỏ ở cả hai miền, trong đó hầu hết là những người yêu nước khác chính kiến, và những dân oan vô tội...

Từ 1956, Lê Duẩn đã bắt đầu viết "*Đề cương cách mạng Miền Nam*", chủ trương phát động chiến tranh bằng bạo lực cách mạng, kết hợp với đấu tranh chính trị. Nghị quyết 15 (tháng Giêng 1959) của Đảng Lao động Việt Nam (Đảng Cộng sản Việt Nam) đã ban hành, chính thức đưa quân Bắc đỏ vào Nam, tiến hành chiến tranh.

Sau 21 năm chiến tranh, cả hai miền Nam – Bắc Việt Nam mới được nối liền vào *Ngày 30-4-1975*, dưới ngọn cờ đỏ, gây ra một cuộc trốn chạy, di dân bằng cách vượt biên, vượt biển lớn nhất trong lịch sử dân tộc và chắc hẳn cả lịch sử nhân loại...

Bốn mươi năm qua, sách, báo, đài, giáo dục không ngớt bôi nhọ, sỉ nhục Việt Nam cộng hoà...

Dù sao thì lịch sử cũng là chuyện đã rồi.

### TẠM KẾT

Đảng Cộng sản Việt Nam đã có công đánh đuổi thực dân Pháp. Đó là công lao thực sự, cho dù còn có người đòi hỏi phải cộng thêm vào công lao ấy cái tội ác là đã theo cộng sản, rước cộng sản vào đất nước Việt Nam. Dầu vậy, với công lao to lớn đó, Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay vẫn còn xứng đáng để lãnh đạo dân tộc Việt Nam. Tuy thế, nếu thật tâm nhận thức rõ, chủ nghĩa xã hội là ảo vọng, không thể thực hiện trong xã hội loài người, cụ thể là trong xã hội Việt Nam, thì nên tỉnh táo và dũng cảm tuyên bố tự giải phóng khỏi “vòng kim cô” đó ấy, để dân tộc ta được hưởng tự do, dân chủ, và lấy tự do, dân chủ làm động lực phát triển đất nước, như hầu hết các nước trên thế giới hiện nay, kể cả Nga và các nước Đông Âu khác (các cựu đảng viên cộng sản vẫn lãnh đạo).

### T.X.A.

25 – 27-4 HB15 (2015)

*(\*) Mặc dù có sự rạn nứt, thậm chí thù địch, giao tranh giữa Liên Xô và Trung Quốc, nhưng cả hai đều viện trợ cho Bắc Việt Nam chống Việt Nam cộng hoà và chống Mỹ; đường tiếp tế từ Liên Xô ngang qua Trung Quốc không bị gián đoạn. Bài viết này không đề cập đến vấn đề đó, nhưng vẫn được trích dẫn như trên để thấy rõ tư tưởng Mao Trạch Đông, Staline...*

## NGUYỄN DO TÂM TRẠNG, TƯ TƯỞNG TÔI CÓ VỀ MÂU THUẤN

**Trần Xuân An**

Tâm trạng, tư tưởng của tôi thoát nhìn, nó có vẻ mâu thuẫn. Nhưng trạng thái mâu thuẫn đó lại có nguyên do, ấy là bởi tính chất chông chéo mâu thuẫn trong lịch sử nước ta từ trước 1945 đến 1975, 1991... về sau này.

Đó là mâu thuẫn ngay trong từng lực lượng, bộ phận vốn là các chủ thể của giai đoạn lịch sử ấy.

Nói trắng ra, cách mạng đỏ vừa có tính chất tay sai Nga đỏ, Tàu đỏ \*, vừa có tinh thần đấu tranh cho độc lập dân tộc (chống Pháp, góp phần chống Nhật...); phe vàng cũng vừa mang tính chất nguy (trước 1954) nhưng lại vừa mang tinh thần chống cộng sản xâm lược (Nga, Tàu tạo dựng tay sai, bành trướng, di dân xuống Đông Nam Á), và chống thực dân đỏ kiểu mới với sự thống trị bằng hệ tư tưởng (Stalinisme, Maoisme...), cũng trước 1954 và trước 1975.

Đó là một phương diện.

Phương diện khác, sự tuyên truyền một chiều (bôi nhọ, sỉ nhục đối phương; đề cao chính phe mình) ở cách mạng đỏ, khiến người ta nghĩ rằng cách mạng đỏ vừa có công lao nhưng cũng vừa láo khoét, tiểu nhân...

Vả lại, Miền Nam và Miền Bắc đều là đồng bào ruột thịt, lịch sử là lịch sử chung, nên đứng hẳn về một miền để lên án miền khác, khiến mình thấy thật vô lương tâm, thiếu trung thực.

Tuy vậy, nhìn chung, về tâm trạng, tư tưởng (mang tính sử học), tôi vẫn nhất quán. Đó là lòng yêu nước, chống mọi thứ ngoại xâm (Pháp, Nhật \*, Trung Quốc, Liên Xô, Mỹ), thương mến và quý trọng phe phái, lực lượng nào, trên lập trường dân tộc, đã chống một hoặc tất cả các thứ ngoại xâm ấy.

**T.X.A.**

*Trần Xuân An – Để lòng người thôi trầm uất*

22-7 HB15 (2015)

-----

*\* Xin nhớ rằng sách báo, đặc biệt là văn, sử, học trình ở Miền Nam (1954-1975) cũng thể hiện tinh thần chống thực dân Pháp, phát xít Nhật... Trong khi đó, sách báo, kể cả sách giáo khoa ở Miền Bắc, thời đoạn đó, có những bài, những đoạn sùng bái Liên Xô (thực chất là Nga) hay Trung Quốc, khiến chúng ta không thể không đỏ mặt vì xấu hổ, phẫn nộ.*

**SỰ THẬT LỊCH SỬ KHÁCH QUAN HAI MIỀN  
(1945-1954-1975) MÃI MÃI VẪN VẬY,  
CHO DÙ BÓP MÉO, CHẤP NHẬN HAY PHỦ NHẬN  
Trần Xuân An**

Từ cuộc chiến tranh chống sự xâm lược và ách đô hộ của thực dân Pháp (1858-1945), phát xít Nhật (1941-1945) và sự tái xâm lược của Pháp (1945-1954), dân tộc Việt Nam lại bị cuốn vào cuộc Chiến tranh Lạnh của thế giới (1945-1991) và chiến tranh Biên giới (1975-1989).

Riêng 21 năm (1954-1975) bị rơi vào Chiến tranh Lạnh (chiến tranh ý thức hệ), cuộc chiến Miền Bắc chống Mỹ, Miền Nam chống Liên Xô, Trung Cộng, đồng thời mang rõ nét tính chất nội chiến Nam – Bắc, có ít nhất là 3.500.000 người Việt Nam, thường dân và quân lính hai Miền phải thiệt mạng, chưa kể số người bị thương tật về thể xác, tâm hồn. Nếu tính từ 1858, với trận đầu ở Đà Nẵng, cho đến 1989, ngày quân lính Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam rút khỏi Campuchia, số lượng người Việt đã thiệt mạng, bị thương tật là vô cùng khủng khiếp!

Chúng ta, những người Việt Nam, tổn thất quá nặng nề về mọi mặt, nhưng đến nay, 2015, đất nước vẫn chưa toàn vẹn lãnh thổ (biển đảo còn bị Trung Quốc xâm chiếm)...

Do đó, không thể phủ nhận chiến thắng và công lao (cho dù một phía thất bại vẫn là công lao):

**-- Miền Bắc (Việt Nam dân chủ cộng hoà, 1945-1975/1976):**

1) Góp phần đánh đuổi phát xít Nhật - Cách mạng Tháng Tám (có vai trò chính là Mỹ)

2) Đánh thắng thực dân Pháp (có viện trợ và vai trò Trung Cộng, Liên Xô)

3) Đánh thắng can thiệp Mỹ (có viện trợ và vai trò Trung Cộng, Liên Xô và nhiều nước thuộc khối Đô)

**-- Miền Nam (Quốc gia Việt Nam – Việt Nam cộng hoà, 1949-1975):**



1) Chống cộng sản Trung Quốc bành trướng

2) Chống cộng sản, đế quốc đỏ Nga Xô, tức Liên Xô...

Khối cộng sản đã dùng tư tưởng của lãnh tụ chính trị nước họ để thống trị nước ta. Đó là chủ nghĩa Lê-nin (Lénine), chủ nghĩa Sta-lin (Staline), chủ nghĩa Mao.

(Trước 1954, có vai trò của Pháp, nhưng viện trợ của Mỹ; sau 1954, có viện trợ Mỹ, đặc biệt từ 1965, có quân lính Mỹ và các nước thuộc khối tư bản – tự do tham chiến)

-- **Kết quả:**

1) Miền Bắc toàn thắng, thống nhất hai Miền làm một và cầm quyền, từ 1975; Miền Nam thất bại.

2) Chủ nghĩa chống cộng, mà Miền Nam (Quốc gia Việt Nam – Việt Nam cộng hoà) cũng có đóng góp, hầu như đã toàn thắng trên thế giới: Hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa sụp đổ (Liên Xô, các nước Đông Âu) hay đã chuyển qua kinh tế thị trường (Trung Quốc, Việt Nam, một số nước châu Phi, Cu Ba...). Chế độ Việt Nam cộng hoà tại Miền Nam có thể xem như liệt sĩ (tử sĩ) chống cộng đã hi sinh (1975) trước ngày chiến thắng (1991).

Đó là sự thật lịch sử khách quan, ít nhiều ai cũng thấy, ai cũng biết.

Phù nhận hay thiên lệch (theo lập trường, quan điểm địch – ta) trong nhận thức, đánh giá thì sự thật lịch sử khách quan vẫn là sự thật không thể chối cãi.

**Tốt nhất là chấp nhận cả chiến thắng và công lao của cả hai miền Nam – Bắc, vì lịch sử là lịch sử chung của cả dân tộc Việt Nam trên toàn quốc, vì cả hai miền đều đã hi sinh, tổn thất nặng nề, đau thương vô hạn, và đều chính nghĩa trong sự nghiệp chống ngoại xâm (các thứ ngoại xâm gồm thực dân Pháp, phát xít Nhật, can thiệp Mỹ, đế quốc đỏ Nga Xô, bành trướng Trung Quốc...):**

*"người bắn nhau nhưng đâu phải bắn nhau*

*bắn những ngoại xâm sau lưng nhau đó" (\*)*

Sau 1954 ở Miền Bắc và từ 1975 ở hai miền trên toàn quốc, học sinh, sinh viên đều phải học sử theo quan điểm của

riêng Miền Bắc, gồm cả quan điểm đấu tranh giai cấp - ý thức hệ (trong Chiến tranh Lạnh), do đó hình thành nên nếp tư duy thiên lệch, thiếu khách quan, trung thực. Đến nay, phải chăng cần chấn chỉnh lại, chỉ đứng trên lập trường dân tộc truyền thống Việt Nam, không thiên về Miền Nam, không thiên về Miền Bắc, để đạt được tính khoa học, công bằng và khách quan?

Và như thế cũng là hoà giải dân tộc, hoà giải thực chất.

Nhưng biết đến bao giờ nhà cầm quyền nước ta (vốn chỉ đạo trực tiếp cho giới sử học, giáo dục, hệ thống cơ quan báo chí, xuất bản, tuyên truyền) mới chấp nhận sự thật lịch sử khách quan đó?

Chưa chấp nhận sự thật lịch sử khách quan đó có nghĩa là hoà giải dân tộc chỉ là khát vọng của nhân dân, đặc biệt là học sinh, sinh viên, nhà giáo và giới sử học, giới văn chương. Đó là một khát vọng giản đơn nhưng sao xa vời đến thế!

**T.X.A.**

05:19, 06-8-2015

---

(\*) *Thơ trích trong bài thơ "Đất vàng màu da" của T.X.A..*

**Nói thêm đôi lời:**

**HOÀ GIẢI DÂN TỘC,  
NHƯNG TÔI CÓ ĐÍNH LÚU GÌ, TRÁCH NHIỆM GÌ  
VỀ CUỘC CHIẾN TRANH HAI PHÍA 1945-1954-1975?  
Trần Xuân An**

Khi chiến tranh hai khối tại điểm nóng Việt Nam kết thúc vào ngày 30-4-1975, tôi đang là sinh viên năm thứ nhất Đại học Sư phạm Huế. Điều đó có nghĩa là tôi chưa từng cầm súng đạn cho bên Đỏ (Miền Bắc) hay bên Vàng (Miền Nam) – súng đạn của các cường quốc thuộc phe này hay phe kia –, với nghĩa đen, chính xác của từ.

Vậy thì tôi có dính lúu gì, trách nhiệm gì về cuộc chiến tranh 1945-1954-1975 ấy?

Tuy vậy, vào tháng 4 năm 1975, tôi đã gần tròn 19 tuổi. Tuổi đó, không thể gọi là chưa trưởng thành. Tôi đã trải nghiệm chiến tranh, mặc dù chỉ với tư cách một người học trò thuần tuý tại hệ thống trường học Miền Nam vốn tương đối độc lập với chính trị.

Tôi lại là người cầm bút làm thơ, viết truyện và nghiên cứu, phê bình, từ những bước tập tành trước đó. Cho đến nay, với 24 đầu sách đã chính thức xuất bản và 10 đầu sách chưa in thành sách in giấy được (cộng với một đầu sách sưu tập sử liệu từ “*Đại Nam thực lục*”), tôi tự thấy bản thân mình cần phải tự giác nhận lấy trách nhiệm hoà giải dân tộc, với tư cách một người cầm bút. Đó chỉ là sự dấn thân riêng lẻ của cá nhân tôi. Tôi biết tiến trình hoà giải dân tộc không thể do một người, mà đã và đang có nhiều người khác thuộc các lĩnh vực khác tham dự vào tiến trình đầy gai góc này. Có điều, tuy cùng mục đích, nhưng không phải ai cũng giống ai, về cách thức và về nội dung.

Tuy có những cảm nhận mang tính bản sắc mỗi cá nhân, những quan điểm – lập trường còn mang tính thiên lệch của mỗi người, nhưng nội dung sự thật lịch sử về cuộc

chiến tranh hai khối 1945-1954-1975 về cơ bản là giống nhau (1).

Tôi đã từng viết, công bố, và đọc vào một video của mình:

*“Nói trắng ra, cách mạng đỏ vừa có tính chất tay sai Nga đỏ, Tàu đỏ \*, vừa có tinh thần đấu tranh cho độc lập dân tộc (chống Pháp, góp phần chống Nhật...); phe vàng cũng vừa mang tính chất nguy (trước 1954) nhưng lại vừa mang tinh thần chống cộng sản xâm lược (Nga, Tàu tạo dựng tay sai, bành trướng, di dân xuống Đông Nam Á), và chống thực dân đỏ kiểu mới với sự thống trị bằng hệ tư tưởng (Stalinisme, Maoisme...), cũng trước 1954 và trước 1975”.*

([https://www.youtube.com/watch?v=LSzD\\_pUeE0M](https://www.youtube.com/watch?v=LSzD_pUeE0M))

Tôi muốn nói thêm: Trải qua cuộc chiến tranh 30 năm ấy, riêng trong giai đoạn 1954-1975, một vài con số thống kê cho thấy, cả thường dân và quân lính hai miền đã phải thiệt mạng ít nhất là khoảng 3.500.000 người, chưa kể số bị thương tật về thể xác và tâm hồn... Hậu quả vẫn còn đau xót, bi thảm cho đến ngày hôm nay. Nhưng từ trong cuộc chiến tranh Hai Khối, mang tính chất nội chiến đau thương đó, dân tộc Việt Nam đã có niềm tự hào là: phe Đỏ đánh thắng Pháp, góp phần đánh thắng Nhật (2), đánh thắng Mỹ với ngọn cờ cộng sản; phe Vàng đã quyết đánh cộng sản xâm lược, bành trướng, đứng đầu là Nga Sô, Trung Cộng, và phe Vàng tuy thất bại, nhưng phong trào cộng sản trên toàn cầu đã sụp đổ, đã chuyển qua kinh tế thị trường, chỉ còn mỗi một Bắc Triều Tiên là còn kinh tế hoạch định, nhưng cũng không hoàn toàn là mô hình kinh tế xã hội chủ nghĩa thuộc hệ thống Đỏ trước 1975. Riêng dân tộc ta, góp chung lại, cả hai miền Nam và Bắc đều có công chống các thứ ngoại xâm, và trong đấu tranh, đã có công làm sáng tỏ, định giá đúng – sai về hai ý thức hệ chính của thời đại, đối với lịch sử. Đó là sự thật lịch sử, thoạt nhìn, có vẻ nghịch lí, nhưng thực chất là vậy: mỗi miền đều vì độc lập dân tộc, chống ngoại xâm, và đều

dựa vào các cường quốc vốn đối đầu với nhau về ý thức hệ (do đó, phần nào đều là nguy hay đều là tay sai, mà về tư ngử là đồng nghĩa).

Cả hai miền đã chạm trán trực tiếp hay gián tiếp, đánh bại và góp phần đánh bại Pháp, Nhật, Mỹ, Nga Xô, Trung Cộng (và Kh'Mer Đỏ của Bắc Kinh). Đó là điều tự hào dân tộc, trong và sau cuộc chiến hai khối đồng thời cũng là nội chiến, 1945-1954-1975, tại Việt Nam nước ta (3).

Tôi đã viết về ý tưởng này thành thơ:

*“người bắn nhau nhưng đầu phải bắn nhau  
bắn những ngoại xâm sau lưng nhau đó”*

(Đất vàng màu da)

Tôi cũng muốn khẳng định lại, với tôi, động cơ, ý thức và nội dung hoà giải dân tộc đó đều do sự thôi thúc nội tâm và cũng thuộc nhận thức của riêng tôi, trên cơ sở ước muốn của hàng chục triệu người Việt Nam chúng ta, và của hàng chục triệu người nước ngoài nữa.

Khát vọng hoà giải dân tộc là một yêu cầu lịch sử hết sức bức thiết và chính đáng.

Điều cần nhấn mạnh là tôi chỉ phân giải giai đoạn chiến tranh 1945-1954-1975 mà 30 năm ấy đã trở thành lịch sử. Tôi chỉ nói đến nó như một người nghiên ngẫm lịch sử về một giai đoạn bản thân mình đã trải nghiệm sống, và phát biểu bằng văn chương, đặc biệt là bằng thơ. Tôi không nói đến thời sự đang diễn ra. Tôi cũng không vẽ vờ tương lai của nước ta và thế giới, rằng dân tộc chúng ta, nhân loại chúng ta sẽ đi đến đâu, tiến tới đâu. Tôi cũng chỉ là người phát biểu những nội dung hoà giải dân tộc ấy bằng các văn bản ngôn từ, chứ không phải là một người hành động, một người hoạt động chính trị, kinh tế hay xã hội.

Xin thưa rõ như thế để tránh những búa rìu công luận và gông cùm pháp luật. Không phải tôi hèn nhát, không dám đối đầu, nhưng tôi thừa hiểu công luận và luật pháp lắm khi quá bất thường, bất chấp và rất vô tội vạ. Tôi dám can đảm,

nhưng cũng không liều lĩnh, và cũng biết rào đón trước, biết tự giới hạn.

Trân trọng và cảm ơn.

**T.X.A.**

17: – 17:37, 01-8 HB15 (2015)

& sáng 02-8 HB15

(1) Nếu trong lĩnh vực văn chương, nội dung tác phẩm của tác giả này so với nội dung tác phẩm của tác giả khác phải tuyệt đối khác biệt, thì trong lĩnh vực khoa học lịch sử, sự tiếp cận, ghi chép lại sự thật lịch sử về cơ bản là giống nhau (trừ trường hợp có kẻ lạm dụng sử học để xuyên tạc hoặc vì ngây thơ mà ngộ nhận, hoặc vì lập trường địch – ta mà quan điểm cũng sai khác, đối nghịch nhau, hoặc do thiếu sót tư liệu nhưng lại vội quy kết).

(2) Chính Mỹ (trong phe Đồng Minh) tại Việt Nam đã đuổi phát-xít Nhật và hỗ trợ Cách mạng Tháng Tám 1945 do Việt Minh lãnh đạo.

(3) Chiến tranh Lạnh giữa Hai Khối trên toàn cầu: 1945-1991. Liên Xô vẫn là “hòn đá tảng” (nền móng) đối với Nước CH. XHCN. VN. cho đến khi Liên Xô tự tan rã. Sự tự tan rã của Liên Xô là do quy luật kinh tế khách quan, do khát vọng dân chủ của người dân và do ý chí độc lập của các nước bị gộp vào thành Liên Xô, mà nước Nga thống lãnh (vì vậy ở Miền Nam gọi Liên Xô là Nga Sô). 1991, Liên Xô hay Nga Sô tự tan rã còn do sự phê phán, chống lại nó vì sự bành trướng, thực dân kiểu đỏ của nó, từ nhiều nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam cộng hòa (Miền Nam Việt Nam, trước 1975).

**TẬP CHÍ CỦA VIỆT GIỚI THIỆU***(Mục: Giá sách Cửa Việt / online)****Mở lòng bàn tay để đan tay***

Tác giả: Trần Xuân An

Tập thơ

Nhà xuất bản Trẻ

Khổ sách: 14,5 x 20,5

Số trang: 111

Năm xuất bản: 7/2014

*Tập thơ mới của nhà thơ, nhà nghiên cứu Trần Xuân An, nguyên quán Quảng Trị, hiện đang sống tại TP. Hồ Chí Minh. Tập sách gồm 57 bài thơ mới, nhiều tìm tòi thể nghiệm; cùng với phần dư luận đánh giá về thơ Trần Xuân An.*

*Thơ Trần Xuân An là sự nối tiếp truyền thống, và cách tân cởi mở. Thơ gắn liền với sự kiện của dân tộc. Hồn thơ toát lên tình cảm và trách nhiệm của một người yêu nước.*

*Cửa Việt trân trọng giới thiệu cùng quý bạn đọc.*

CV.

<http://www.tapchicuaviet.com.vn/DuLieu/index.asp?main=GiaSach&ID=11>

## NHẮC LẠI TẬP SAN “ĐẤT VÀNG” (1971) TRÊN BÁO QUẢNG NAM

... “Làm sao quên được thị xã Tam Kỳ nhỏ bé, tình lý của tỉnh Quảng Tín (cũ), nơi chỉ có những ngã ba mà không có ngã tư, nơi bên bờ bắc của dòng sông mang tên của chính vùng đất thắm đẫm lịch sử này, có những hàng hoa sưa nở vàng trong nắng, đẹp như tâm hồn của lứa tuổi 17 đang muốn ôm trọn cả cuộc đời vào lòng mộng mơ; nơi còn lưu giữ bao kỷ niệm sôi nổi, sống động của một thời làm báo “Chân Dung”, với tranh bìa của Bửu Chí, là khuôn mặt thiếu nữ và cánh bèo câu mơ ước và bài “Tìm hiểu về tranh đấu ca” đầy sôi nổi của Trương Văn Hoàng. Chính từ trong lòng cái thị xã nhỏ bé ấy, những người trẻ đầy nhiệt tình yêu nước như Nguyễn Tân, Võ Thị Thu Thủy, Nguyễn Tấn Sĩ, Nguyễn Đăng Chín, Trần Xuân An, Trần Ngọc Sơn, Phạm Văn Công, Nguyễn Ngọc Khôi, Võ Công Thảo, Trần Đình Hộ... đã hoạt động trong Tổng đoàn Học sinh Quảng Tín, hoặc tham gia thực hiện tờ báo “Đất Vàng” đầy tình yêu nước, mà một người thầy giáo trẻ đã viết những dòng quảng cáo trên áp phích dán đầy trước cổng các trường trung học bằng những câu hỏi xoáy sâu vào lòng người về hiện tình đất nước. Trong số những người trẻ yêu nước ấy, có người đã bị bắt, có người phải thoát ly” ...

Trích từ: Trần Hoài Dạ Vũ, “Tập san Văn Sử và những ngày làm báo bí mật”, báo Quảng Nam in giấy & điện tử, thứ tư, 19/06/2013: <http://baoquangnam.com.vn/dat-va-nguoi-xu-quang/viet-ve-de-tai-chien-tranh-cach-mang/201306/tap-san-van-su-va-nhung-ngay-lam-bao-bi-mat-311882/>



**ĐẾN BAO GIỜ****Trần Xuân An**

Tổ Quốc ơi, con đã nghe  
 đâu phải từ thuở mười lăm mười sáu tuổi  
 ai cũng từ lòng mẹ yêu thương nóng hổi  
 ôm ghì chiếc nhau ôm ghì tảng đất thiết tha  
 đã nghe âm vang tiếng nói ông cha  
 từ lòng ngực mẹ  
 Tổ Quốc ơi! Con Người ơi!  
 Tình Yêu Lớn có trong ta như thế!

trên mảnh Đất Vàng  
 tung tăng đôi chân thời tằm bé  
 đất và màu da  
 sâu thẳm, cội nguồn

Tổ Quốc gieo ra bao hạt mầm nho nhỏ  
 mãi bùng lên mùa xuân nối tiếp mùa xuân  
 cho một đời ta gắn bó  
 đâu chỉ thuở mười lăm mười sáu đó  
 ôi, quá đổi thâm trầm  
 tiếng gọi thiêng liêng cất lên giữa thời máu lửa  
 và Tổ Quốc ơi, con đã nghe!

cảm ơn người thầy dìu dắt chúng ta đi  
 giữa lớp học nhập nhòa, lóe lên bao tia sự thật  
 công trường căng áp phích  
 như còi tung lòng ngực  
 những trái tim cháy bùng khát vọng: Tự Do

ta đã đến bao ngôi trường ngoại ô  
 báo trong tay, ngạo nghễ vung cao:  
 Tự Do hay là chết!  
 trăm tờ báo vụng về không chứa hết

niềm tin đánh thức: Tự Do  
phải có Tự Do để giành lại muôn nghìn Cái Đẹp

những quây sách, báo ta giảng, ngời nét mực  
Đất và Màu Da ơi! con đã nghe!

Tổ Quốc ơi! con đã nghe!  
đâu chỉ là cơn gió thoảng thời học trò, thoáng chốc  
mãi đậm thêm trong ta Tổ Quốc  
mảnh đất quý yêu, màu da vàng sáng rực

bao năm qua, bao năm qua  
bị huyền hoặc rồi tự mình huyền hoặc!  
phải cất cao thơ như ngọn đuốc  
chiến lũy của thơ muôn đời là Sự Thật  
đến bao giờ? đến bao giờ?

có lẽ nào lia xa Tổ Quốc  
để chọn quê chung là Trái Đất?  
ở nơi đâu, dù ở nơi đâu  
Tổ Quốc vẫn trong lòng da diết đốn đau!  
ôi Tổ Quốc! Đất và Màu Da!  
chọn lựa nào cũng cam đành mất mát  
có phải tự do dân chủ là đối lập?

vinh danh muôn đời thống nhất và đối lập  
tại sao cần đối lập?  
phải chăng ảo vọng của bao người bị bức bách?  
lũ kên kên nào còn lượn lờ  
quanh Tổ Quốc chúng ta?  
ôi Tự Do, Độc Lập  
đến bao giờ?

**T.X.A.**

18.10.1988

## DANH MỤC TÁC PHẨM CỦA TRẦN XUÂN AN

### I. Thơ

1. *Nắng và mưa*, tập thơ, Hội VHNT. Quảng Trị xuất bản, 1991.
2. *Hát chiêu hồn mình*, tập thơ, Nxb. Đồng Nai, 1992.
3. *Tôi vẫn ở trên đường*, tập thơ, Nxb. Văn Nghệ TP. HCM., 1993.
4. *Lặng lẽ ở phố*, tập thơ, Nxb. Trẻ, 1995.
5. *Kẻ bị ném vào bão*, tập thơ, Nxb. Trẻ, 1995.
6. *Hát với đời ơi thương mến*, tập thơ, Nxb. Trẻ, 1996.
7. *Quê nhà yêu dấu*, trường ca thơ, Nxb. Văn Nghệ TP. HCM., 1998.
8. *Giọt mực, cánh đồng và vở kịch điên*, tập thơ, Tạp chí điện tử Giao Điểm, 2005.
9. *Thơ những mùa hương*, tập thơ, 1998, Nxb. Thanh Niên, 2011.
10. *Tưởng niệm Mẹ*, tập thơ tự tuyển, Nxb. Thanh Niên, 2010.
11. *Thơ sử và những bài thơ khác*, tập thơ, Nxb. Thanh Niên, 2011.
12. *Hát mộc với biển đảo & những bài thơ khác*, tập thơ, Nxb. Thanh Niên, 2012.
13. *Mở lòng bàn tay để đan tay*, tập thơ, Nxb. Trẻ, 2014.
14. *Để lòng người thôi trầm uất*, tập thơ, công bố tại Facebook & Tạp chí điện tử Chim Việt Cành Nam, 2014.

### II. Tiểu thuyết, truyện kí:

15. *Mùa hè bên sông (Nỗi đau hậu chiến)*, tiểu thuyết, 1997; hai bản đã sửa chữa và bổ sung, 2001 (lần hai) và 2003 (lần ba), Tạp chí điện tử Giao Điểm tháng 6-2005.
16. *Có một nơi lá mãi xanh*, tiểu thuyết, Nxb. Hội Nhà văn, 1999.

17. *Ngôi trường tháng giêng*, tiểu thuyết, 1998, Nxb. Thanh Niên, 2003.

18. *Sen đỏ, bài thơ hoà bình*, tiểu thuyết, 1999, Nxb. Thanh Niên, 2003.

19. *Nước mắt có vị ngọt*, tập truyện ngắn liên hoàn, 1999, Tạp chí điện tử Giao Điểm, 2005.

20. *Tuổi học trò của tôi*, hồi kí – tự truyện, Nxb. Hội Nhà văn, 2012.

21. *Bên kia dốc “Mạ ơi!”*, truyện vừa – hồi ức, Nxb. Hội Nhà văn, 2012.

22. *Giữa thuở chuyển mùa*, truyện – hồi ức, Nxb. Trẻ, 2013.

### III. Nghiên cứu, khảo luận:

23. *Thơ Nguyễn Văn Tường (1824 – 1886) – Vài nét về con người, tâm hồn và tư tưởng* (biên soạn – nghiên cứu, phản bác, và tập hợp một số bản dịch, bài khảo luận văn học và sử học về NVT.), 2000 & 2003, Nxb. Thanh Niên, 2008.

24. *Tiểu sử biên niên phụ chính đại thần Nguyễn Văn Tường – kẻ thù không đội trời chung của chủ nghĩa thực dân Pháp* (từ *Đại Nam thực lục*, rút gọn), dạng niên biểu, sách dẫn chi tiết, phần I, 2001, Nxb. Thanh Niên, 9-2006.

25. *Những trang “Đại Nam thực lục” về phụ chính đại thần Nguyễn Văn Tường (1824 – 1886) và các sự kiện thời kì đầu chống thực dân Pháp...* (Quốc sử quán triều Nguyễn, Tổ Phiên dịch Viện Sử học VN.), chọn lọc, phần II, 2001.

26. *Nguyễn Văn Tường (1824 – 1886), một người trung nghĩa*, khảo luận và phê bình sử học, 2002 & 2003, Nxb. Thanh Niên, 9-2006.

27. *Phụ chính đại thần Nguyễn Văn Tường (1824 – 1886)*, truyện – sử kí – khảo cứu tư liệu lịch sử, trọn bộ 4 tập, 2002 – 2003; Nxb. Văn Nghệ TP. HCM., 2004.

28. *Suy nghĩ về một số vấn đề trong lịch sử cổ đại nước ta*, khảo luận, 7.2004, đăng trên mạng vì tính toàn cầu, 2005.

29. *Bàn thêm về mấy vấn nạn sử học*, luận, đăng trên mạng vi tính toàn cầu, 2007.

#### **IV. Phê bình & bình luận:**

30. *Ngẫu hứng đọc thơ*, phê bình thơ, 2003; Nxb. Văn Nghệ TP. HCM., 2005.

31. *Luận về thời chúng ta, một số vấn đề trong chiến tranh và hậu chiến*, luận, đăng trên mạng vi tính toàn cầu, 2005.

32. *Thời sự văn hoá và suy nghĩ*, luận, đăng trên mạng vi tính toàn cầu, 2008.

33. *Đọc văn chương và cảm nghĩ*, phê bình, viết ngắn & điểm sách, Nxb. Thanh Niên, 2009.

34. *Vĩ văn chương, bình – khảo và phiếm luận*, luận, đăng trên mạng vi tính toàn cầu, 2010.

35. *Ngẫm nghĩ khi đọc văn chương*, phê bình, đăng trên các trang thông tin điện tử & điểm mạng toàn cầu, 2011.

## **TRẦN TRỌNG MỜI XEM**

Bốn đầu sách có tính chất tự truyện của tác giả:

### ***1) Tuổi học trò của tôi***

(hồi kí - tự truyện, 2012), Nxb. Hội Nhà văn, 2012

Tác giả tự thuật về bản thân

qua việc khắc hoạ nhân vật Trần Nguyễn Phan

### ***2) Ngôi trường tháng giêng***

(tiểu thuyết - hồi ức, 1998), Nxb. Thanh Niên, 2003

Tác giả tự phân thân, khắc hoạ bản thân

qua việc xây dựng ba nhân vật Đặng Nam, Khoai,

Lộc Biếc

### ***3) Bên kia Đốc “Mạ ơi!”***

(truyện - hồi ức, 2012), Nxb. Hội Nhà văn, 2012

Tác giả tự khắc hoạ bản thân

qua việc xây dựng nhân vật Phan Huyên Đình

### ***4) Giữa thuở chuyển mùa***

(truyện - hồi ức, 2013), Nxb. Trẻ, 2013

Tác giả tự khắc hoạ bản thân

qua việc xây dựng nhân vật Nguyễn Phan Huyên

## MỤC LỤC

## A. NỘI DUNG CHÍNH:

1. Suy niệm nỗi niềm thương binh tử sĩ ~
2. Huân chương chiến thương ~
3. Nghe như thể có đàn tế chung  
ở Thành Cổ - Thạch Hãn ~
4. Thắp hương nhớ quê ~
5. Sao nặng hôn chuông? ~
6. Di tích đỏ – chiếc cầu ý hệ ~
7. Chân thật nhớ, đừng quên ~
8. Thâm niệm ở “Đại lộ kinh hoàng 1972” ~
9. Phúc âm đời thường ở La Vang ~
10. Kính thương những ngôi đình làng Quảng Trị ~
11. Nói to nổi bi tráng Nam tiến ~
12. Hoà giải – tạ tội ~
13. Chuyện về nửa đất nước bị chửi rủa ~
14. Lẽ ra đã từ 1973 ~
15. Hoà giải bằng sự thật ~
16. Viết tiếp bài “*Hoà giải bằng sự thật*” ~
17. Ngo ngoe đầu hỏi ~
18. Nhớ người từng ở trại tù tàn binh thuở đó ~
19. Thô mộc hỏi – đáp và nén hương muộn ~
20. Bến Hải và lớp người trắng tóc ~
21. Hỏi Đông Dương, hỏi Bắc Phi ~
22. Đủ đầy hai bờ Bến Hải ~
23. Nhớ lễ thông tàu thống nhất  
nổi liền sông Bến Hải ~
24. Trò chuyện với người bạn cũ ~
25. Ca dao phơi xe, xối lật và những góc nhìn ~
26. Hai bờ nổi hai chân trời ~
27. Điệp ngữ ~
28. Đỏ chữ thập trắng liềm ~
29. Đỏ tim tôi ~

30. Mộng寐 về thăm Hiền Lương ~
31. Sông Thị Bến Hải (1954-1975) ~
32. Nhìn thẳng vào sự thật, viết đúng sự thật ~
33. Cuối năm ta, ở quán Cây Sanh,  
trà lá với mấy ngoại quốc cũ ~
34. Viết sau tờ lịch ngày ông Nguyễn Bá Thanh  
vào cõi vĩnh hằng ~
35. Viếng mộ không nắm anh Trịnh Công Sơn ~
36. Mình và ta, một nỗi niềm xin hát mãi ~
37. Tự giải phóng ~
38. Vòng kim cô ~
39. Nghịch lí 30-4 ở đường Xô Viết ~
40. Cà phê và paracetamol 30-4 ~
41. Thương tiếc một hồn thơ tài tử ~
42. Thương tiếc anh Ngăn ~
43. Đất vàng màu da ~
44. Hai phía rồi một yêu thương ~
45. Sau chiến tranh hai phía ~
46. Kết

**B. PHỤ LỤC** (05 bài thơ đã in trong tập “*Mở lòng bàn tay để đan tay*”, Nxb. Trẻ, 2014):

47. Màu sắc di tích Hiền Lương ~
48. Nhớ và mừng chiến thắng Điện Biên 1954 ~
49. Từ chống ngoại xâm đến *Hai Khối*... ~
50. Điểm nóng *Chiến tranh lạnh* ~
51. Câu hỏi sau ba mươi chín năm ~  
~ Bản tác giả tự tạm dịch nghĩa  
bài thứ 19 ra tiếng Anh ~  
~ Việt Nam, đà trượt đỏ và chỗ níu vàng (T.X.A.) ~  
~ Nguyên do tâm trạng, tư tưởng tôi  
có vẻ mâu thuẫn (T.X.A.) ~  
~ Sự thật lịch sử khách quan hai miền (1945-1954-1975)  
(T.X.A.) ~



- ~ Hoà giải dân tộc, nhưng tôi có dính líu gì,  
trách nhiệm gì... (T.X.A.) ~
- ~ Tạp chí Cửa Việt điện tử giới thiệu sách mới (C.V.) ~
- ~ Nhắc lại tập san “*Đất Vàng*” (1971)  
trên báo Quảng Nam (T.H.D.V.) ~
- ~ Đến bao giờ (T.X.A.) ~
- ~ Mục lục ~

TÁC GIẢ GIỮ BẢN QUYỀN  
từng chữ, từng ý tưởng.

Đã đăng tải trọn vẹn tại các điểm mạng:

*www.tranxuanan-writer.net*

*www.txawriter.wordpress.com*

đặc biệt, tại mạng xã hội

(đúng theo ngày tháng năm

được ghi bên dưới mỗi bài thơ):

*www.facebook.com/tranxuanan.writer*

đồng thời cũng đã đăng tải một ít tại

Tttđt. Hội Nhà văn TP.HCM.

Đã công bố tập thơ này  
trên tạp chí điện tử Chim Việt tại Pháp,  
12-2014,  
và đồng thời tại các điểm mạng kể trên.

**ĐỀ LÒNG NGƯỜI THÔI TRÂM UẤT**  
**Trần Xuân An**

Chịu trách nhiệm xuất bản:  
Giám đốc - Tổng biên tập  
Chịu trách nhiệm nội dung:  
Phó Giám đốc - Phó Tổng biên tập  
Biên tập & sửa bản in:  
Vẽ bìa, trình bày & kỹ thuật vi tính:  
Đơn vị liên kết: Tác giả.

**NHÀ XUẤT BẢN**

Khổ 14,5 cm x 20,5 cm.  
Số ĐKKH:  
Quyết định xuất bản số:  
ngày tháng năm 2015.  
In 500 cuốn, tại XN. In  
In xong và nộp lưu chiểu tháng năm 2015.

Bìa 4:



ẢNH CHÂN DUNG TÁC GIẢ,  
Huỳnh Thị Phú chụp tại TP.HCM., 10-3 HB12 (2012)

*Trần Xuân An – Để lòng người thôi trăm uất*

Bìa 4:

## VÀI NÉT VỀ TÁC GIẢ

### **Trần Xuân An**

Sinh ngày 10-11-1956 tại Huế.

Nguyên quán: Quảng Trị

Dân tộc: Kinh (Việt Nam)

Tốt nghiệp khoa ngữ văn Việt,

Đại học Sư phạm Huế (1974 – 1978).

Dạy học tại Lâm Đồng, 1978 – 1983 (các trường: PTCS. Lộc Ngãi, Bảo Lộc; Phân hiệu PTTH. Bảo Lộc tại Đa Huoai; PTTH. Đức Trọng).

Bút danh (ít dùng): Phan Huyền Đình, Trần Cát Niên (Phan Cát Niên), Trần Nguyễn Phan, Phan Kết Đoàn, Trần Ngôn Sử, Nguyễn Công Dân (TXA.), Nguyễn Phan Huyền.

Từ 1991 đến nay, thường trú tại TP. HCM., chuyên sáng tác, nghiên cứu, phê bình...

Hội viên Hội Nhà văn TP. HCM..

Là tác giả của 35 đầu sách, trong đó có 25 đầu sách đã được chính thức ấn hành qua các nhà xuất bản.

*Tặng thưởng tuần báo Văn Nghệ Giải Phóng, 1975.  
Giải thưởng Hội VHNT. Quảng Trị, 1991.*

Phần gộp bìa 1:

## GÓP MẶT VÀO CÁC TUYÊN TẬP THƠ:

Riêng về lĩnh vực thơ, ngoài việc đăng thơ trên nhiều báo chí từ 1973, còn có sự góp mặt vào nhiều tuyển tập thơ:

1. *Thơ Miền Trung thế kỷ XX*, Nxb. Đà Nẵng, 1995.
2. *Hai thập kỷ thơ Huế, 1975 – 1995*, Nxb. Văn Học, 1995.
3. *Non Mai sông Hãn*, thơ văn Quảng Trị hai thế kỉ XIX & XX, Sở VH TT. QT. xb., 1999.
4. *700 năm thơ Huế*, Nxb. Thuận Hóa, 2008.
5. *Thơ tình bốn phương*, Nxb. Trẻ, 1995.
6. *Thơ tình Việt Nam và thế giới*, Nxb. Thanh Niên, 1998.
7. *Nghìn năm tứ tuyệt*, Nxb. VHDT., 1997.
8. Nhiều tuyển thơ khác, từ 1975 đến nay, do các hội văn nghệ tỉnh, Hội Nhà văn TP.HCM. và các nhà xuất bản ấn hành tại Lâm Đồng, Huế, Đồng Nai, TP.HCM., Hà Nội ... v.v ...

Phần gấp bìa 4:

**Địa chỉ tác giả:**

71B Phạm Văn Hai,  
Phường 3, Tân Bình, TP.HCM.  
(08) 3 8453955 & 0908 803 908  
*tranxuanan.writer@gmail.com*

**Điểm mạng toàn cầu cá nhân:**

*<http://www.tranxuanan-writer.net>*  
*<http://www.tranxuanan-poet.net>*  
*<http://www.tranxuanan-bienkhaio.name.vn>*  
*<http://txawriter.wordpress.com>*  
*<http://youtube.com/user/AnTranXuan>*  
*<https://facebook.com/tranxuanan.writer>*

& một số ảnh bìa sách của Trần Xuân An đã xuất bản

**NHẬT KÍ LÀM BẢN THẢO:**

Ngày làm bản thảo tập thơ này thành tệp PDF:  
21-12 HB14 (2014)  
Trần Xuân An

Bổ sung 03 chú thích, 01 bài phụ lục & thay 01 bài thơ:  
30-12 HB14  
T.X.A.

**BẢN NÀY ĐÃ ĐƯỢC BỔ SUNG 2 BÀI THƠ**  
& tên Đình được viết đủ là Phan Huyền Đình; trình bày lại  
cho đủ 64 trang sách  
-- In ra giấy vào ngày 05-02 HB15 (2015) --

**BẢN NÀY ĐÃ ĐƯỢC BỔ SUNG 11 BÀI THƠ**  
& 01 BÀI LUẬN  
thành 92 trang sách  
+ 2 trang bìa  
+ 4 trang nội dung bìa sách  
+ 1 trang ghi chú này  
**Tổng cộng: 99 trang**  
-- ngày 09-05 HB15 (2015) --

**Thực hiện thành tệp PDF:**  
**09 tháng 5 năm 2015**

**20-8 HB15:**  
**Bổ sung 3 bài thơ và 3 bài phụ lục viết ngắn**  
**Bản PDF 20-8 HB15**